HT-C450
HT-C453
HT-C455

# Hệ thống Rạp chiếu phim Kỹ thuật số Tại nhà

## sách hướng dẫn sử dụng

Tưởng tượng các khả năng

Cảm ơn bạn đã mua sản phẩm này của Samsung.
Để nhận được dịch vụ hoàn chỉnh hơn, vui lòng
đăng ký sản phẩm của bạn tại
www.samsung.com/register

SAMSUNG

# Thông tin An toàn

## Cảnh báo an toàn

ĐỂ GIẢM NGUY CƠ BỊ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG THÁO VỎ (HOẶC PHÍA SAU). BÊN TRONG KHÔNG CÓ BỘ PHẬN NÀO NGƯỜI DÙNG CÓ THỂ TỰ BẢO DƯỠNG. ĐƯA SẢN PHẨM ĐẾN NHÂN VIÊN BẢO DƯỠNG CÓ ĐỦ CHUYÊN MÔN ĐỂ BẢO DƯỠNG.

| | **CHÚ Ý**<br>NGUY CƠ BỊ ĐIỆN GIẬT<br>KHÔNG MỞ | |
|---|---|---|
| Biểu tượng này biểu thị "điện áp nguy hiểm" bên trong sản phẩm có thể dẫn đến nguy cơ bị điện giật hoặc thương tích cá nhân. | **CHÚ Ý**: ĐỂ TRÁNH BỊ ĐIỆN GIẬT, HÃY KHỚP ĐẦU RỘNG CỦA PHÍCH CẮM VÀO KHE CẮM RỘNG, CẮM HOÀN TOÀN. | Biểu tượng này biểu thị các hướng dẫn quan trọng đi kèm với sản phẩm này. |

### CẢNH BÁO

- Để giảm nguy cơ cháy hay bị điện giật, không để thiết bị này tiếp xúc với nước mưa hoặc hơi ẩm.

### CHÚ Ý

- Không được để nước nhỏ vào hay bắn vào thiết bị và không được để vật chứa chất lỏng, như bình hoa, ở trên thiết bị.
- Phích cắm điện lưới được sử dụng như một thiết bị ngắt kết nối và sẽ ở trạng thái sẵn sàng hoạt động bất kỳ lúc nào.
- Thiết bị này sẽ luôn được kết nối với ổ cắm AC bằng kết nối tiếp đất.
- Để ngắt kết nối thiết bị khỏi điện lưới, phích cắm phải được rút ra khỏi ổ cắm điện lưới, nhờ đó phích cắm điện lưới sẽ sẵn sàng hoạt động.

| | |
|---|---|
| CLASS 1 | LASER PRODUCT |
| KLASSE 1 | LASER PRODUKT |
| LUOKAN 1 | LASER LAITE |
| KLASS 1 | LASER APPARAT |
| PRODUCTO | LÁSER CLASE 1 |

**SẢN PHẨM LAZE LOẠI 1**

Đầu CD này được phân loại là sản phẩm LAZE LOẠI 1.
Việc điều khiển, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác khác ngoài các thao tác được ghi rõ trong tài liệu này có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ độc hại.

### CHÚ Ý

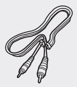
- CÓ THỂ CÓ BỨC XẠ LAZE KHÔNG NHÌN THẤY ĐƯỢC KHI MỞ VÀ ĐÓNG SAI CÁCH NÊN HÃY TRÁNH ĐỂ TIẾP XÚC VỚI CHÙM TIA BỨC XẠ.

## Phòng ngừa

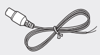
- Đảm bảo rằng nguồn cấp điện AC trong nhà bạn tuân theo nhãn nhận dạng được dán ở phía sau của sản phẩm.
- Lắp đặt sản phẩm của bạn theo chiều ngang, trên một đế thích hợp (vật đỡ), với khoảng không gian xung quanh đủ thông thoáng (7,5~10cm).
- Không đặt sản phẩm trên bộ khuếch đại hoặc thiết bị có thể toả nhiệt khác. Đảm bảo rằng khe thông gió không bị bịt kín.
- Không xếp bất kỳ thứ gì lên trên sản phẩm.
- Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy đảm bảo rằng Khe Lắp Đĩa trống.
- Để ngắt kết nối hoàn toàn sản phẩm khỏi nguồn cấp điện, hãy rút phích cắm AC khỏi ổ cắm trên tường, đặc biệt khi không sử dụng trong thời gian dài.
- Khi giông bão, hãy rút phích cắm AC khỏi ổ cắm trên tường. Điện áp tăng cực đại do sét có thể làm hỏng sản phẩm.
- Không để sản phẩm trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời hoặc các nguồn nhiệt khác. Điều này có thể dẫn đến quá nhiệt và hư hỏng sản phẩm.
- Bảo vệ sản phẩm tránh những nơi ẩm thấp và quá nóng hoặc thiết bị tạo ra từ trường hay điện trường mạnh (ví dụ: loa).
- Ngắt kết nối cáp nguồn khỏi nguồn AC nếu sản phẩm bị hư hỏng.
- Sản phẩm của bạn không dành cho mục đích sử dụng công nghiệp. Sản phẩm này chỉ dành cho mục đích sử dụng cá nhân.
- Hiện tượng ngưng tụ có thể xảy ra nếu sản phẩm hoặc đĩa của bạn được cất giữ ở nhiệt độ lạnh. Nếu vận chuyển sản phẩm trong mùa đông, hãy đợi khoảng 2 giờ cho đến khi sản phẩm đạt tới nhiệt độ phòng rồi mới sử dụng.
- Pin được sử dụng cùng với sản phẩm này chứa các hoá chất có hại cho môi trường. Không thải bỏ pin cùng rác sinh hoạt chung.

## Phụ kiện

Kiểm tra các phụ kiện đi kèm bên dưới.



Cáp Video



Anten FM




Sách hướng dẫn Sử dụng



Bộ điều khiển Từ xa/ Pin (cỡ AAA)

# Thông tin An toàn

## Chú ý khi Sử dụng và Bảo quản Đĩa

Những vết xước nhỏ trên đĩa có thể làm giảm chất lượng âm thanh và hình ảnh hoặc gây ra nhảy bài.

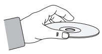
Hãy đặc biệt cẩn thận không được làm xước đĩa khi sử dụng chúng.

## Cầm đĩa

- Không chạm vào mặt chạy đĩa.
- Cầm vào mép đĩa để dấu vân tay không in trên mặt đĩa.
- Không dán giấy hoặc băng dính lên đĩa.

## Bảo quản Đĩa

- Không để đĩa trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời
- Giữ đĩa ở nơi thoáng mát
- Giữ đĩa trong Bao đựng sạch sẽ. Bảo quản đĩa theo chồng.



✎ **LƯU Ý**

- Không để đĩa bị bụi bẩn.
- Không đưa vào thiết bị những đĩa bị rạn nứt hoặc bị xước.

## Sử dụng và Bảo quản Đĩa

Nếu có dấu vân tay hoặc bụi bẩn bám lên đĩa, hãy lau bằng chất tẩy nhẹ được pha loãng trong nước rồi lau bằng vải mềm.

- Khi lau đĩa, lau nhẹ nhàng từ trong ra ngoài đĩa.

✎ **LƯU Ý**

- Lớp nước ngưng có thể hình thành nếu không khí ấm tiếp xúc với các bộ phận nguội bên trong sản phẩm. Khi lớp nước ngưng hình thành bên trong sản phẩm thì sản phẩm có thể hoạt động không chính xác. Nếu xảy ra hiện tượng này, hãy bỏ đĩa ra rồi bật sản phẩm ở chế độ chờ trong khoảng 1 hoặc 2 giờ.

## Giấy phép

- GIỚI THIỆU VỀ VIDEO DIVX: DivX® là định dạng video kỹ thuật số do DivX,Inc phát minh ra. Đây là thiết bị được Chứng nhận DivX chính thức có thể phát video DivX. Hãy truy cập www.divx.com để biết thêm thông tin và các công cụ phần mềm giúp chuyển đổi các tệp của bạn sang video DivX.
  GIỚI THIỆU VỀ VIDEO DIVX THEO YÊU CẦU: Thiết bị DivX Certified® này phải được đăng ký để có thể phát nội dung Video DivX theo Yêu cầu (VOD). Để tạo mã đăng ký, hãy tìm mục DivX VOD trong menu thiết lập thiết bị. Truy cập vod.divx.com bằng mã này để hoàn tất quá trình đăng ký và tìm hiểu thêm về DivX VOD.
- DivX Certified® to play DivX ® video
- Dolby và biểu tượng hai chữ D là nhãn hiệu đã được đăng ký của Dolby Laboratories.
- “Pat. 7,295,673; 7,460,688; 7,519,274”

## Bản quyền



## Bảo vệ Bản quyền

- Nhiều đĩa DVD được mã hoá để bảo vệ bản quyền. Do đó, bạn chỉ nên kết nối trực tiếp sản phẩm của mình với TV, không kết nối với VCR. Việc kết nối với VCR sẽ dẫn đến hình ảnh bị biến dạng so với đĩa DVD được bảo vệ bản quyền.
- Sản phẩm này tích hợp công nghệ bảo vệ bản quyền được bằng sáng chế Hoa Kỳ và các quyền sở hữu trí tuệ khác bảo vệ. Việc sử dụng công nghệ bảo vệ bản quyền này phải được Rovi Corporation uỷ quyền và chỉ sử dụng với mục đích xem tại nhà và các trường hợp xem giới hạn khác trừ khi có uỷ quyền của Rovi Corporation. Nghiêm cấm tháo rời hoặc nghiên cứu đảo ngược.

# Mục lục


## THÔNG TIN AN TOÀN 2

2 Cảnh báo an toàn
3 Phòng ngừa
3 Phụ kiện
4 Chú ý khi Sử dụng và Bảo quản Đĩa
4 Giấy phép
4 Bản quyền
4 Bảo vệ Bản quyền

## BẮT ĐẦU 7

7 Các biểu tượng sẽ được sử dụng trong sách hướng dẫn sử dụng
7 Loại và Đặc điểm của Đĩa
11 Mô tả
11 Panen trước
12 Panen sau
13 Bộ điều khiển từ xa

## KẾT NỐI 15

15 Kết nối Loa
18 Kết nối Video Out (Đầu ra Video) với TV của bạn
20 Kết nối Anten FM
21 Kết nối Âm thanh từ các Thành phần bên ngoài

## THIẾT LẬP 22

22 Trước khi Bắt đầu (Cài đặt Ban đầu)
22 Cài đặt menu Thiết lập
23 Hiển thị
23 Tỷ lệ khung hình của TV
23 BD Wise
23 Độ phân giải
23 Định dạng HDMI
24 Âm thanh
24 Cài đặt Loa
25 DRC (Nén Dải tần Động)
25 AV-SYNC (ĐỒNG BỘ HOÁ AV)
25 HDMI AUDIO (ÂM THANH HDMI)
26 Bộ tối ưu hoá EQ
26 Hệ thống
26 Cài đặt Ban đầu
26 Đăng ký DivX(R)
26 Ngôn ngữ
26 Bảo mật
26 Xếp loại của Cha mẹ
26 Thay đổi Mật khẩu
26 Hỗ trợ
26 Thông tin Sản phẩm

# Mục lục

**CHỨC NĂNG CƠ BẢN**
27

27 Phát đĩa
27 Phát đĩa Audio CD (CD-DA)/MP3/WMA
28 Phát tệp JPEG
28 Sử dụng Chức năng Phát
32 Chế độ Âm thanh
34 Nghe Đài
34 Kết nối Micrô

**CHỨC NĂNG NÂNG CAO**
35

35 Chức năng USB
35 Sao chép CD

**THÔNG TIN KHA C**
36

36 Xử lý sự cố
37 Danh sách mã quốc gia
38 Thông số kỹ thuật

- Những số liệu và hình minh hoạ trong Sách hướng dẫn Sử dụng này được cung cấp chỉ để tham khảo và có thể khác so với hình dạng sản phẩm thực tế.

# Bắt đầu

## Các biểu tượng sẽ được sử dụng trong sách hướng dẫn sử dụng

Đảm bảo rằng bạn đã kiểm tra các thuật ngữ dưới đây trước khi đọc sách hướng dẫn sử dụng.

| Biểu tượng | Thuật ngữ | Định nghĩa |
|---|---|---|
| DVD | DVD | Biểu tượng này chỉ một chức năng có trên đĩa DVD-Video hoặc đĩa DVD±R/±RW đã được ghi và hoàn thiện ở Chế độ Video. |
| CD | CD | Biểu tượng này chỉ một chức năng có trên CD (CD DA, CD-R/-RW) dữ liệu. |
| MP3 | MP3 | Biểu tượng này chỉ một chức năng có trên đĩa CD-R/-RW. |
| JPEG | JPEG | Biểu tượng này chỉ một chức năng có trên đĩa CD-R/-RW. |
| DivX | DivX | Biểu tượng này chỉ một chức năng có trên đĩa MPEG4. (DVD±R/±RW, CD-R/-RW) |
| ! | CHÚ Ý | Biểu tượng này chỉ trường hợp trong đó một chức năng không hoạt động hoặc cài đặt có thể bị huỷ. |
| ✎ | LƯU Ý | Mục này bao gồm các mẹo hoặc hướng dẫn ở trang trợ giúp mỗi chức năng hoạt động. |
| ☝ | Phím tắt | Chức năng này giúp truy cập trực tiếp và dễ dàng bằng cách bấm nút trên bộ điều khiển từ xa. |

## Loại và Đặc điểm của Đĩa

### Mã vùng

Sản phẩm và đĩa được mã hoá theo vùng. Các mã vùng này phải khớp để có thể phát đĩa. Nếu mã không khớp, đĩa sẽ không phát.

| Loại đĩa | Mã vùng | Khu vực |
|---|---|---|
| DVD-VIDEO | 1 | Hoa Kỳ, các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ và Canada |
| | 2 | Châu Âu, Nhật Bản, Trung Đông, Ai Cập, Nam Phi, Greenland |
| | 3 | Đài Loan, Hàn Quốc, Philippin, Indonesia, Hồng Kông |
| | 4 | Mexico, Nam Mỹ, Trung Mỹ, Úc, New Zealand, Quần đảo thuộc Thái Bình Dương, Ca-ri-bê |
| | 5 | Nga, Đông Âu, Ấn Độ, phần lớn Châu Phi, Triều Tiên, Mông Cổ |
| | 6 | Trung Quốc |

# Bắt đầu

## Loại đĩa có thể phát được

| Loại đĩa & Nhãn hiệu (Logo) | Tín hiệu được Ghi | Cỡ Đĩa | Thời gian Phát Tối đa |
|---|---|---|---|
| DVD-VIDEO | VIDEO | 12 cm | Khoảng 240 phút (một mặt) |
| | | | Khoảng 480 phút (hai mặt) |
| | | 8 cm | Khoảng 80 phút (một mặt) |
| | | | Khoảng 160 phút (hai mặt) |
| AUDIO-CD | ÂM THANH | 12 cm | 74 phút |
| | | 8 cm | 20 phút |
| DivX | ÂM THANH + VIDEO | 12 cm | — |
| | | 8 cm | — |

## Không sử dụng các loại đĩa sau!

- Sản phẩm này không thể phát các đĩa LD, CD-G, CD-I, CD-ROM, DVD-ROM và DVD-RAM. Nếu phát những đĩa như vậy, thông báo <WRONG DISC FORMAT> (ĐỊNH DẠNG ĐĨA SAI) sẽ xuất hiện trên màn hình TV.
- Các đĩa DVD được mua ở nước ngoài có thể không phát được bằng sản phẩm này. Nếu phát các đĩa như vậy, thông báo “Wrong Region. Please check Disc.” (Vùng Sai. Vui lòng kiểm tra Đĩa) sẽ xuất hiện trên màn hình TV.

## Loại đĩa và Định dạng Đĩa

Sản phẩm này không hỗ trợ các tệp Secure (DRM) Media.

### Đĩa CD-R

- Một số đĩa CD-R có thể không phát được tuỳ vào thiết bị ghi đĩa (Thiết bị ghi CD hoặc PC) và điều kiện của đĩa.
- Sử dụng đĩa CD-R 650MB/74 phút.
  Không sử dụng các đĩa CD-R trên 700MB/80 phút vì có thể không phát được.
- Một số phương tiện CD-RW (Có thể ghi lại) có thể không phát được.
- Chỉ có thể phát toàn bộ các đĩa CD-R đã được "đóng" một cách chính xác. Nếu đã hết một lần phát mà đĩa vẫn còn mở thì bạn không thể phát toàn bộ đĩa.

### Đĩa CD-R MP3

- Chỉ có thể phát các đĩa CD-R có tệp MP3 ở định dạng ISO 9660 hoặc Joliet.
- Tên tệp MP3 không được chứa khoảng trống hoặc các ký tự đặc biệt (. / = +).
- Sử dụng các đĩa được ghi với tốc độ nén/giải nén dữ liệu lớn hơn 128Kbps.
- Chỉ có thể phát các tệp có phần mở rộng ".mp3" và ".MP3".
- Chỉ có thể phát các đĩa được ghi nhiều lần liên tiếp. Nếu có đoạn trống trong đĩa Ghi nhiều lần thì chỉ có thể phát đĩa tới đoạn trống đó.
- Nếu không đóng đĩa, việc bắt đầu phát đĩa sẽ mất nhiều thời gian hơn và có thể không phát được tất cả các tệp đã ghi.
- Đối với các tệp được mã hoá ở định dạng Variable Bit Rate (VBR), nghĩa là các tệp được mã hoá ở cả tốc độ bit thấp và tốc độ bit cao (ví dụ: 32Kbps ~ 320Kbps), âm thanh có thể bị nhảy cách quãng khi phát.
- Có thể phát tối đa 500 bài trên một CD.
- Có thể phát tối đa 300 thư mục trên một CD.

### Đĩa CD-R JPEG

- Chỉ có thể phát các tệp có phần mở rộng "jpg".
- Nếu không đóng đĩa, việc bắt đầu phát đĩa sẽ mất nhiều thời gian hơn và có thể không phát được tất cả các tệp đã ghi.
- Chỉ có thể phát các đĩa CD-R có tệp JPEG ở định dạng ISO 9660 hoặc Joliet.
- Tên tệp JPEG không được dài quá 8 ký tự và không chứa khoảng trống hoặc các ký tự đặc biệt (. / = +).
- Chỉ có thể phát các đĩa được ghi nhiều lần liên tiếp. Nếu có đoạn trống trong đĩa ghi nhiều lần, chỉ có thể phát đĩa tới đoạn trống đó.
- Có thể lưu trữ tối đa 999 hình ảnh trên một thư mục.
- Khi phát CD Ảnh của Kodak/Fuji, chỉ có thể phát các tệp JPEG trong thư mục ảnh.
- Các đĩa ảnh khác không phải là CD Ảnh của Kodak/Fuji có thể mất nhiều thời gian hơn để bắt đầu phát hoặc có thể không phát được.

### Đĩa DVD±R/±RW, CD-R/RW

- Không hỗ trợ các bản cập nhật phần mềm cho những định dạng không tương thích. (Ví dụ: QPEL, GMC, độ phân giải cao hơn 800 x 600 pixel, v.v...)
- Nếu đĩa DVD-R/-RW không được ghi chính xác ở định dạng DVD Video thì sẽ không thể phát được đĩa đó.

### DivX (Digital internet video express - Video số tốc độ cao trên internet)

DivX là định dạng tệp video do Microsoft phát triển và được dựa trên công nghệ nén MPEG4 nhằm cung cấp dữ liệu âm thanh và video qua Internet trong thời gian thực.
MPEG4 được sử dụng để mã hoá video và MP3 được sử dụng để mã hoá âm thanh, như vậy người dùng có thể xem phim có chất lượng video và âm thanh gần như DVD.

### Định dạng được Hỗ trợ (DivX)

Sản phẩm này chỉ hỗ trợ các định dạng phương tiện truyền thông sau.
Nếu cả định dạng âm thanh và video đều không được hỗ trợ, người dùng có thể gặp phải các sự cố như hình ảnh bị vỡ hoặc không có âm thanh.

**Định dạng Video được Hỗ trợ**

| Định dạng | Phiên bản được Hỗ trợ |
|---|---|
| AVI | DivX3.11~DivX5.1, XviD |
| WMV | V1/V2/V3/V7 |

**Định dạng Âm thanh được Hỗ trợ**

| Định dạng | Tốc độ Bit | Tần số Lấy mẫu |
|---|---|---|
| MP3 | 80~320kbps | 44.1khz |
| WMA | 56~128kbps | |
| AC3 | 128~384kbps | 44.1/48khz |
| DTS | 1.5Mbps | 44.1khz |

- Các tệp DivX, bao gồm các tệp âm thanh và video, được tạo ở định dạng DTS chỉ có thể hỗ trợ tối đa 6Mbps.
- Tỷ lệ Khung hình: Mặc dù độ phân giải DivX mặc định là 640x480 pixel nhưng sản phẩm này hỗ trợ tối đa 720x480 pixel. Độ phân giải màn hình TV cao hơn 800 sẽ không được hỗ trợ.
- Khi bạn phát đĩa có tần số lấy mẫu cao hơn 48khz hoặc 320kbps, bạn có thể thấy rung hình khi phát lại.
- Không thể phát các phần có tỷ lệ khung hình cao khi phát tệp DivX.
- Vì sản phẩm này chỉ cung cấp các định dạng mã hoá do DivX Networks, Inc. uỷ quyền nên không thể phát tệp DivX do người dùng tạo.

## Thông số Kỹ thuật USB Host

### Thông số Kỹ thuật USB Host

- Hỗ trợ các thiết bị tương thích USB 1.1 hoặc USB 2.0.
- Hỗ trợ các thiết bị được kết nối sử dụng cáp USB loại A.
- Hỗ trợ các thiết bị tương thích UMS (Thiết bị Lưu trữ USB) V1.0.
- Hỗ trợ thiết bị mà ổ đĩa được kết nối được định dạng theo hệ thống tệp FAT (FAT, FAT16, FAT32).

### Không tương thích

- Không hỗ trợ thiết bị yêu cầu cài đặt trình điều khiển riêng trên PC (Windows).
- Không hỗ trợ kết nối tới USB hub.
- Có thể không thể nhận diện được thiết bị USB được kết nối bằng cáp USB kéo dài.
- Thiết bị USB yêu cầu nguồn điện riêng cần phải được kết nối với sản phẩm bằng một kết nối nguồn riêng.

### Giới hạn Hoạt động

- Nếu thiết bị được kết nối có cài đặt nhiều ổ đĩa (hoặc phân vùng) thì chỉ có thể kết nối một ổ đĩa (hoặc một phân vùng).
- Thiết bị chỉ hỗ trợ USB 1.1 có thể dẫn đến sự khác biệt về chất lượng hình ảnh, tuỳ vào thiết bị.

# Bắt đầu

## Các thiết bị USB có thể sử dụng được với sản phẩm

- Thiết bị Lưu trữ USB, Máy nghe nhạc MP3, Máy ảnh Kỹ thuật số
- Ổ cứng Di động
  - Hỗ trợ các Ổ cứng Di động có dung lượng nhỏ hơn 160 Gbyte. Có thể không nhận diện được các Ổ cứng Di động có dung lượng từ 160Gbyte trở lên, tuỳ vào thiết bị.
  - Nếu thiết bị được kết nối không hoạt động do nguồn cấp điện không đủ, bạn có thể sử dụng dây nguồn riêng cung cấp điện để thiết bị đó có thể hoạt động chính xác. Đầu nối của cáp USB có thể khác nhau, tuỳ vào nhà sản xuất thiết bị USB.
- Đầu đọc thẻ USB: Đầu đọc thẻ USB một khe và Đầu đọc thẻ USB nhiều khe.
  - Đầu đọc thẻ USB có thể không được hỗ trợ, tuỳ vào nhà sản xuất.
  - Nếu bạn lắp nhiều thiết bị nhớ vào đầu đọc nhiều thẻ, bạn có thể gặp sự cố.

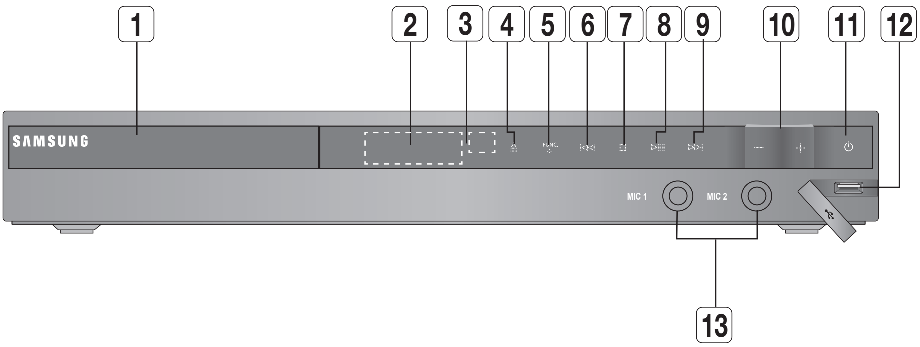
### Định dạng tệp được Hỗ trợ

| Định dạng | Hình ảnh Tĩnh | Nhạc | | Phim | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tên tệp | JPG | MP3 | WMA | WMV | DivX |
| Phần mở rộng của tệp | JPG .JPEG | .MP3 | .WMA | .WMV | .AVI |
| Tốc độ Bit | – | 80~320 kbps | 56~128 kbps | 4Mbps | 4Mbps |
| Phiên bản | – | – | V8 | V1,V2, V3,V7 | DivX3.11~ DivX5.1, XviD |
| Pixel | 640x480 | – | – | 720x480 | |
| Tần số Lấy mẫu | – | 44.1kHz | 44.1kHz | 44.1KHz~ 48KHz | |

- Không hỗ trợ CBI (Control/Bulk/Interrupt) (Kiểm soát/Khối lượng lớn/Gián đoạn).
- Không hỗ trợ các Máy ảnh Kỹ thuật số sử dụng giao thức PTP hoặc yêu cầu cài đặt chương trình bổ sung khi được kết nối với PC.
- Không hỗ trợ thiết bị sử dụng hệ thống tệp NTFS. (Hệ thống chỉ hỗ trợ hệ thống tệp FAT và sẽ không phát phim có dung lượng lớn hơn 1 GB ở chế độ USB.)
- Một số máy nghe nhạc MP3, khi được kết nối với sản phẩm này, có thể không hoạt động tuỳ vào kích cỡ phân vùng hệ thống tệp của chúng.
- Không hỗ trợ chức năng USB host nếu kết nối với một sản phẩm truyền các tệp truyền thông bằng chương trình cụ thể của nhà sản xuất..
- Không hoạt động với các thiết bị MTP (Giao thức Truyền Phương tiện truyền thông) cho phép Janus.

## Mô tả

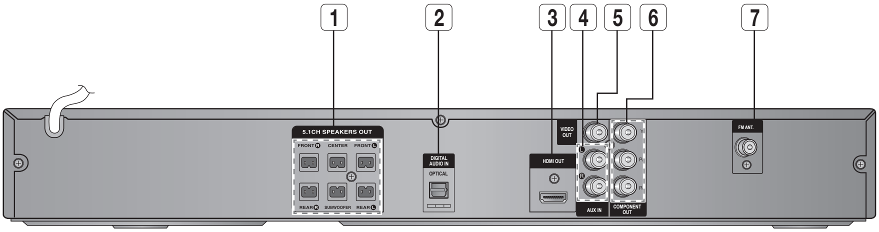
### Panen trước




| | | |
|---|---|---|
| 1 | **KHAY ĐĨA** | Đưa đĩa vào đây. |
| 2 | **MÀN HÌNH** | Hiển thị trạng thái phát, thời gian, v.v... |
| 3 | **CẢM BIẾN BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA** | Phát hiện tín hiệu từ bộ điều khiển từ xa. |
| 4 | **NÚT OPEN/CLOSE ( ⏏ )** | Mở và đóng khay đĩa. |
| 5 | **NÚT FUNCTION ( FUNC. )** | Chế độ chuyển đổi như sau:<br>DVD/CD ➞ D.IN ➞ AUX ➞ USB ➞ FM. |
| 6 | **NÚT TUNING DOWN & SKIP ( ⏮ )** | Trở lại tiêu đề/chương/bài trước.<br>Điều chỉnh giảm dải tần FM. |
| 7 | **NÚT STOP ( ◻ )** | Dừng phát đĩa. |
| 8 | **NÚT PLAY/ PAUSE ( ⏯ )** | Phát đĩa hoặc tạm ngừng phát. |
| 9 | **NÚT TUNING UP & SKIP ( ⏭ )** | Đi đến tiêu đề/chương/bài tiếp theo.<br>Điều chỉnh tăng dải tần FM. |
| 10 | **NÚT VOLUME CONTROL ( –, + )** | Điều chỉnh âm lượng. |
| 11 | **NÚT POWER ( ⏻ )** | Bật và tắt sản phẩm. |
| 12 | **CỔNG USB** | Kết nối tại đây và phát các tệp từ các thiết bị lưu trữ USB bên ngoài như máy nghe nhạc MP3, bộ nhớ USB flash, v.v... |
| 13 | **Giắc MIC 1,2** | Kết nối tối đa hai micrô. |

# Bắt đầu

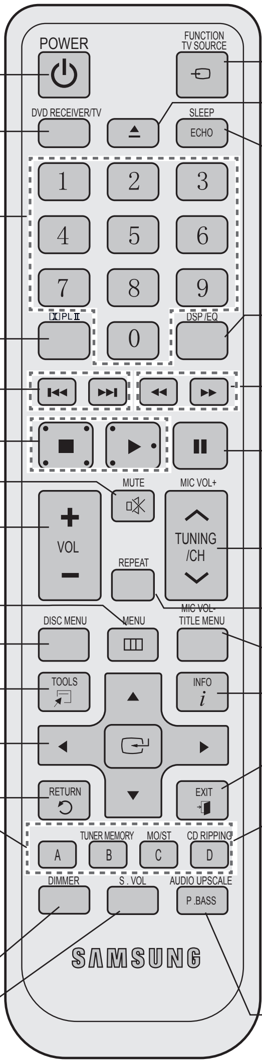
## Panen sau




| | | |
|---|---|---|
| 1 | **ĐẦU NỐI RA CỦA LOA KÊNH 5.1** | Kết nối các Loa sau, Loa giữa, Loa trước và loa siêu trầm. |
| 2 | **GIẮC ĐẦU VÀO QUANG KỸ THUẬT SỐ BÊN NGOÀI (DIGITAL AUDIO IN (ĐẦU VÀO ÂM THANH KỸ THUẬT SỐ))** | Sử dụng giắc này để kết nối các thiết bị bên ngoài có đầu ra số. |
| 3 | **GIẮC HDMI OUT** | Sử dụng cáp HDMI, kết nối cổng ra HDMI này với cổng vào HDMI trên TV của bạn để có chất lượng hình ảnh tốt nhất. |
| 4 | **GIẮC AUX IN** | Kết nối với đầu ra 2CH Analogue của thiết bị bên ngoài (như VCR). |
| 5 | **GIẮC VIDEO OUT** | Kết nối giắc Đầu vào Video của TV (VIDEO IN) với giắc VIDEO OUT. |
| 6 | **GIẮC ĐẦU RA COMPONENT VIDEO** | Kết nối TV có các đầu vào Component video với các giắc này. |
| 7 | **GIẮC ANTEN FM** | Kết nối anten FM. |

## Bộ điều khiển từ xa

# Tổng quan về Bộ điều khiển Từ xa




Bật và tắt sản phẩm.

Bấm để chọn chế độ BỘ THU DVD/TV.

Bấm nút số để sử dụng các tuỳ chọn.

Chọn chế độ âm thanh Dolby Pro Logic II mong muốn.

Bấm để lùi hoặc tiến.

Bấm để dừng/phát đĩa.

Tắt tạm thời âm thanh.

Điều chỉnh âm lượng.

Bấm nút này để chuyển đến menu chính.

Bấm để chọn menu đĩa.

Được sử dụng để thay đổi âm thanh/ ngôn ngữ phụ đề, góc nhìn, v.v...

Chọn các mục menu trên màn hình và thay đổi giá trị menu.

Trở về menu trước.

Cho phép truy cập vào các chức năng thông thường của sản phẩm như Danh sách Ảnh.
hoặc
XANH LỤC(B) : Bấm để cài đặt trước các đài FM.

Điều chỉnh độ sáng của Màn hình.

Điều chỉnh và ổn định âm lượng so với các thay đổi âm lượng mạnh.

Đây là nút chọn chế độ.
hoặc
Bấm để chọn chế độ video của TV.

Để mở và đóng khay đĩa.

SLEEP: Đặt giờ để sản phẩm tự tắt.
ECHO: Điều chỉnh mức độ vang của micrô.

Chọn chế độ âm thanh DSP/EQ mong muốn.

Bấm để tìm kiếm lùi hoặc tiến.

Bấm để tạm ngừng đĩa.

TUNING/CH: Tìm kiếm các đài FM hoạt động và thay đổi kênh.
MIC VOL: Điều chỉnh âm lượng MIC.

Cho phép bạn lặp lại một tiêu đề, chương, bài hoặc đĩa.

Sử dụng nút này để nhập menu Tiêu đề.

Hiển thị trạng thái đĩa (tệp) hiện tại.

Thoát khỏi menu.

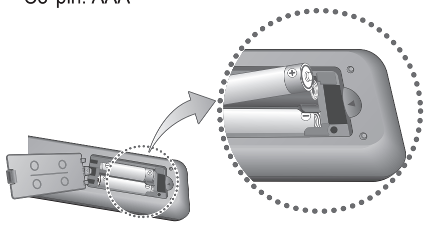
Cho phép truy cập vào các chức năng thông thường của sản phẩm như Danh sách Ảnh.
hoặc
VÀNG(C) : Chọn MONO hoặc STEREO cho các chương trình phát sóng trên đài.
XANH LAM(D) : Chuyển đổi âm thanh CD sang định dạng tệp MP3.

Chọn chế độ P.BASS hoặc MP3 ENHANCEMENT mong muốn.

# Bắt đầu

## Lắp pin trong Bộ điều khiển Từ xa

* Cỡ pin: AAA



✎ **LƯU Ý**

- Lắp pin vào bộ điều khiển từ xa sao cho đúng cực: (+) với (+) và (–) với (–).
- Luôn thay cả hai pin cùng một lúc.
- Không để pin gần nguồn nhiệt hoặc lửa.
- Bộ điều khiển từ xa có thể được sử dụng ở khoảng cách tối đa 7 m theo đường thẳng.

## Cài đặt Bộ điều khiển Từ xa

Bạn có thể điều khiển một số chức năng nhất định của TV bằng bộ điều khiển từ xa này.

**When operating a TV with the remote control**

1. Khi điều khiển TV bằng bộ điều khiển từ xa Bấm nút **DVD RECEIVER/TV** để đặt bộ điều khiển từ xa sang chế độ TV.
2. Bấm nút **POWER** để bật TV.
3. Trong khi ấn nút **POWER**, nhập mã tương ứng với nhãn hiệu TV của bạn.
   - Nếu trong bảng có trên một mã được liệt kê cho TV của bạn, hãy nhập từng mã một để xác định mã hoạt động.
   - **Ví dụ: Đối với TV Samsung**
     Trong khi ấn nút **POWER**, sử dụng các nút số để nhập 00, 15, 16, 17 và 40.
4. Nếu TV tắt thì cài đặt đã hoàn tất.
   - Bạn có thể sử dụng các nút TV POWER, VOLUME, CHANNEL và các nút Số (0~9).

✎ **LƯU Ý**

- Bộ điều khiển từ xa có thể không hoạt động hoặc có thể không thực hiện được một số thao tác với một số nhãn hiệu Ti vi.
- Theo mặc định, bộ điều khiển từ xa này dùng cho Ti vi Samsung.

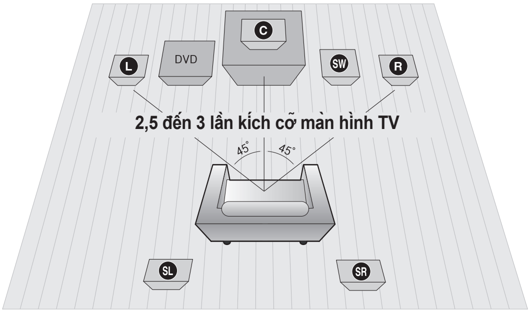
## Danh sách Mã Nhãn hiệu TV

| Brand | Code | Brand | Code |
|---|---|---|---|
| Admiral (M.Wards) | 56, 57, 58 | MTC | 18 |
| A Mark | 01, 15 | NEC | 18, 19, 20, 40, 59, 60 |
| Anam | 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 | Nikei | 03 |
| AOC | 01, 18, 40, 48 | Onking | 03 |
| Bell & Howell (M.Wards) | 57, 58, 81 | Onwa | 03 |
| Brocsonic | 59, 60 | Panasonic | 06, 07, 08, 09, 54, 66, 67, 73, 74 |
| Candle | 18 | Penney | 18 |
| Cetronic | 03 | Philco | 03, 15, 17, 18, 48, 54, 59, 62, 69, 90 |
| Citizen | 03, 18, 25 | Philips | 15, 17, 18, 40, 48, 54, 62, 72 |
| Cinema | 97 | Pioneer | 63, 66, 80, 91 |
| Classic | 03 | Portland | 15, 18, 59 |
| Concerto | 18 | Proton | 40 |
| Contec | 46 | Quasar | 06, 66, 67 |
| Coronado | 15 | Radio Shack | 17, 48, 56, 60, 61, 75 |
| Craig | 03, 05, 61, 82, 83, 84 | RCA/ Proscan | 18, 59, 67, 76, 77, 78, 92, 93, 94 |
| Croslex | 62 | Realistic | 03, 19 |
| Crown | 03 | Sampo | 40 |
| Curtis Mates | 59, 61, 63 | Samsung | 00, 15, 16, 17, 40, 43, 46, 47, 48, 49, |
| CXC | 03 | Sanyo | 19, 61, 65 |
| Daewoo | 02, 03, 04, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32, 34, 35, 36, 48, 59, 90 | Scott | 03, 40, 60, 61 |
| Daytron | 40 | Sears | 15, 18, 19 |
| Dynasty | 03 | Sharp | 15, 57, 64 |
| Emerson | 03, 15, 40, 46, 59, 61, 64, 82, 83, 84, 85 | Signature 2000 (M.Wards) | 57, 58 |
| Fisher | 19, 65 | Sony | 50, 51, 52, 53, 55 |
| Funai | 03 | Soundesign | 03, 40 |
| Futuretech | 03 | Spectricon | 01 |
| General Electric (GE) | 06, 40, 56, 59, 66, 67, 68 | SSS | 18 |
| Hall Mark | 40 | Sylvania | 18, 40, 48, 54, 59, 60, 62 |
| Hitachi | 15, 18, 50, 59, 69 | Symphonic | 61, 95, 96 |
| Inkel | 45 | Tatung | 06 |
| JC Penny | 56, 59, 67, 86 | Techwood | 18 |
| JVC | 70 | Teknika | 03, 15, 18, 25 |
| KTV | 59, 61, 87, 88 | TMK | 18, 40 |
| KEC | 03, 15, 40 | Toshiba | 19, 57, 63, 71 |
| KMC | 15 | Vidtech | 18 |
| LG (Goldstar) | 01, 15, 16, 17, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 | Videch | 59, 60, 69 |
| Luxman | 18 | Wards | 15, 17, 18, 40, 48, 54, 60, 64 |
| LXI (Sears) | 19, 54, 56, 59, 60, 62, 63, 65, 71 | Yamaha | 18 |
| Magnavox | 15, 17, 18, 48, 54, 59, 60, 62, 72, 89 | York | 40 |
| Marantz | 40, 54 | Yupiteru | 03 |
| Matsui | 54 | Zenith | 58, 79 |
| MGA | 18, 40 | Zonda | 01 |
| Mitsubishi/ MGA | 18, 40, 59, 60, 75 | Dongyang | 03, 54 |

# Kết nối

Phần này đề cập đến các phương thức khác nhau để kết nối sản phẩm với các thành phần bên ngoài khác. Trước khi di chuyển hoặc lắp đặt sản phẩm, hãy đảm bảo bạn đã tắt nguồn và rút dây nguồn.

## Kết nối Loa




### Vị trí đặt sản phẩm

Đặt sản phẩm trên kệ hoặc giá đỡ hoặc dưới chân đế TV.

### Chọn Vị trí Nghe

Vị trí nghe nên cách TV một khoảng cách bằng khoảng 2,5 đến 3 lần kích cỡ màn hình TV.
Ví dụ: 2~2,4m đối với TV 32"
3,5~4m đối với TV 55"

| | |
|---|---|
| **Loa trước L R** | Đặt các loa này ở phía trước vị trí nghe của bạn, hướng vào trong (khoảng 45°) về phía bạn. Đặt loa sao cho các loa âm cao của chúng có độ cao bằng với tai bạn. Chỉnh thẳng hàng mặt trước của Loa trước với mặt trước của Loa giữa hoặc đặt chúng trước Loa giữa một chút. |
| **Loa giữa C** | Tốt nhất là lắp đặt Loa giữa ở cùng độ cao với các Loa trước. Bạn cũng có thể lắp đặt Loa giữa ngay trên hoặc dưới TV. |
| **Loa sau SL SR** | Đặt các loa này sang bên cạnh vị trí nghe của bạn. Nếu không đủ chỗ, đặt các loa này sao cho chúng đối mặt với nhau. Đặt Loa sau cao hơn tai bạn khoảng 60 đến 90cm, mặt hơi hướng xuống.<br>* Không giống như Loa trước và Loa giữa, Loa sau được sử dụng chủ yếu để xử lý các hiệu ứng âm thanh và âm thanh không phải lúc nào cũng phát ra từ Loa sau. |
| **Loa siêu trầm SW** | Vị trí của loa siêu trầm không khắt khe đến vậy. Hãy đặt loa này ở bất kỳ nơi nào bạn muốn. |

**! CHÚ Ý**

- Không để trẻ em nghịch loa hoặc chơi gần các loa. Trẻ có thể bị thương nếu loa đổ.
- Khi kết nối dây loa với loa, hãy đảm bảo đúng cực (+/–).
- Để loa trầm phụ tránh xa tầm với của trẻ em nhằm ngăn trẻ đút tay hoặc cho các chất lạ vào ống (lỗ) của loa siêu trầm.
- Không treo loa siêu trầm trên tường qua ống (lỗ) trên thân loa.

**✎ LƯU Ý**

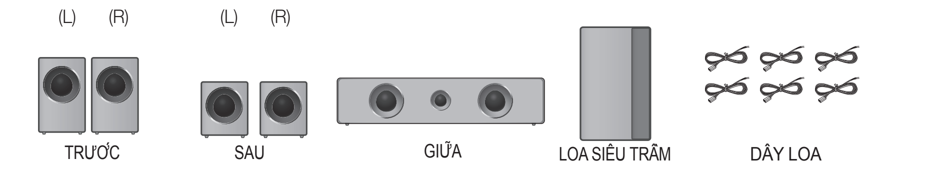
- Nếu bạn đặt loa gần TV, màu màn hình có thể bị nhoè vì từ trường do loa tạo ra. Nếu điều này xảy ra, hãy đặt loa cách xa TV.

# Kết nối

## Kết nối Loa

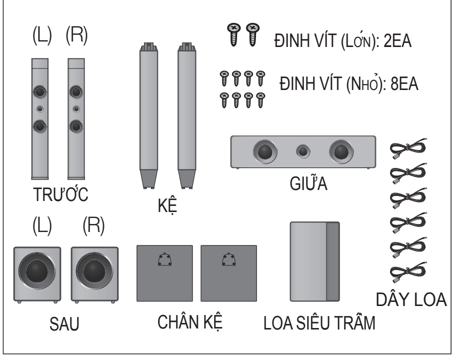
### Thành phần Loa

HT-C450



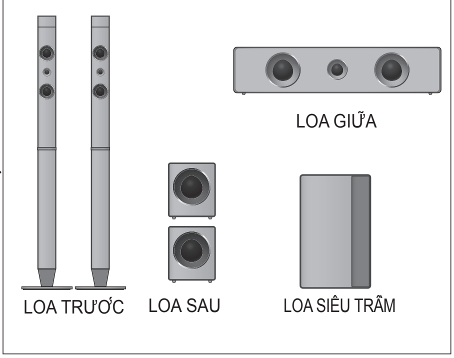

### Thành phần Loa

HT-C453

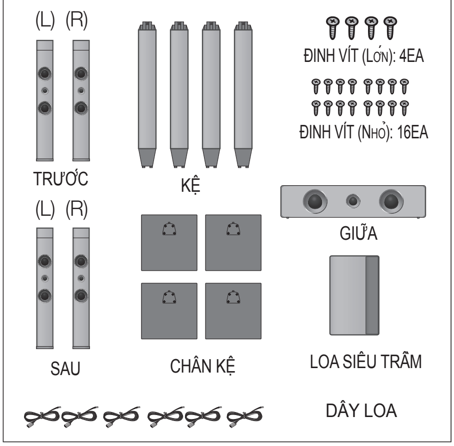



### Loa Lắp ghép

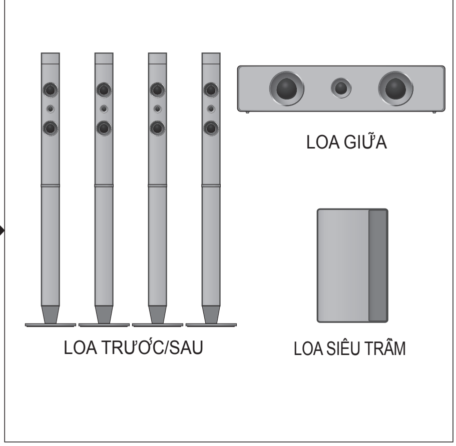
HT-C453




HT-C455




HT-C455




✎ **LƯU Ý**

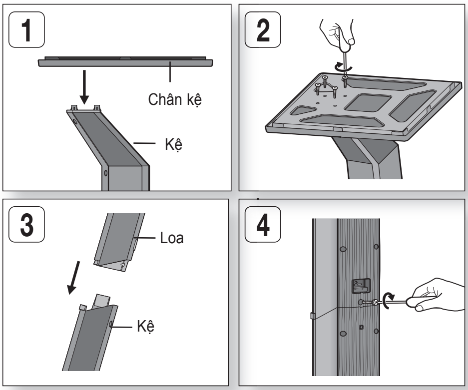
- Tham khảo trang 17 để biết thông tin về lắp đặt Loa trên Kệ có ngăn.

## Lắp đặt Loa trên Kệ có ngăn

*** Chỉ HT-C453 – Loa trước**

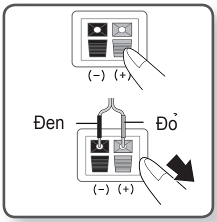
*** Chỉ HT-C455 – Loa trước/sau**

1. Lật ngược Chân kệ và lắp vào Kệ.
2. Dùng tua-vít vặn bốn đinh vít nhỏ theo chiều kim đồng hồ vào bốn lỗ được đánh dấu như được thể hiện trong hình minh hoạ.
3. Lắp Loa trên vào Kệ lắp ghép.
4. Dùng tua-vít vặn đinh vít lớn còn lại theo chiều kim đồng hồ vào lỗ ở phía sau loa.

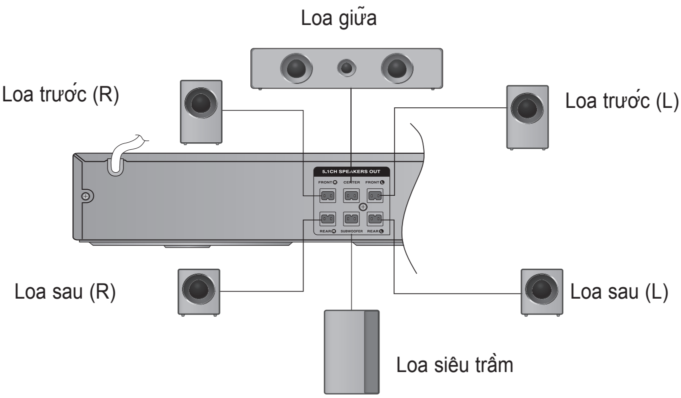



## Kết nối Loa

1. Ấn đầu cực ở phía đằng sau loa xuống.
2. Gài dây đen vào cực màu đen (–) và dây đỏ vào cực màu đỏ (+) rồi sau đó thả đầu cực đó ra.
3. Cắm phích nối vào phía sau sản phẩm sao cho màu của phích cắm loa khớp với màu giắc loa.




### HT-C450

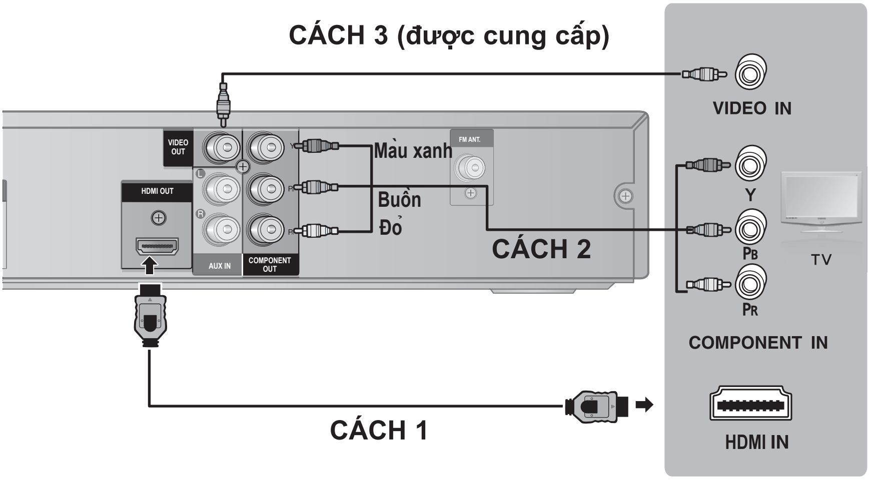



* Tham khảo trang 16 để biết thông tin về loa của HT-C453/C455.

# Kết nối

## Kết nối Video Out (Đầu ra Video) với TV của bạn

Chọn một trong bốn cách để kết nối với TV.




## CÁCH 1: HDMI

Kết nối cáp HDMI (không được cung cấp) từ giắc **HDMI OUT** (ĐẦU RA HDMI) ở phía sau sản phẩm với giắc HDMI IN (ĐẦU VÀO HDMI) trên TV của bạn.

## CÁCH 2: Component Video

Nếu TV của bạn có đầu vào Component Video, hãy kết nối cáp Component video (không được cung cấp) từ các giắc **COMPONENT OUT** (ĐẦU RA COMPONENT) (Pr, Pb và Y) ở phía sau sản phẩm với các giắc Component Video Input (Đầu vào Component Video) trên TV của bạn.

## CÁCH 3: Composite Video

Kết nối cáp Video được cung cấp từ giắc **VIDEO OUT** (ĐẦU RA VIDEO) ở phía sau sản phẩm với giắc VIDEO IN (ĐẦU VÀO VIDEO) trên TV của bạn.

✎ **LƯU Ý**

- Độ phân giải hiện có cho đầu ra HDMI là 480p(576p), 720p,1080i/1080p. Xem trang 23 để biết thông tin về cài đặt độ phân giải.
- Sản phẩm này hoạt động ở chế độ quét xen kẽ 480i(576i) đối với đầu ra component/composite.
- Sau khi thực hiện kết nối video, hãy đặt nguồn đầu vào Video trên TV phù hợp với chế độ đầu ra Video tương ứng trên sản phẩm.
  Xem sách hướng dẫn của TV để biết thêm thông tin về cách chọn nguồn Đầu vào Video của TV.
- Trước tiên, bật sản phẩm này trước khi bạn đặt nguồn đầu vào video trên TV của mình. Xem sách hướng dẫn sử dụng TV để biết thêm thông tin về cách chọn nguồn Đầu vào Video của TV.

**! CHÚ Ý**

- Không kết nối thiết bị qua VCR. Tín hiệu video được truyền qua VCR có thể bị ảnh hưởng bởi các hệ thống bảo vệ bản quyền và hình ảnh trên TV sẽ bị méo.

## CHỨC NĂNG HDMI

### Chức năng Tự động Dò tìm HDMI

Đầu ra video của sản phẩm sẽ tự động đổi sang chế độ HDMI nếu kết nối cáp HDMI trong khi nguồn đang bật.

- HDMI (Giao diện Đa phương tiện Độ phân giải Cao)
- HDMI là giao diện cho phép truyền dữ liệu video và âm thanh bằng kỹ thuật số chỉ với một đầu nối. Khi sử dụng HDMI, sản phẩm sẽ truyền tín hiệu âm thanh và video số cũng như hiển thị hình ảnh sống động trên TV có giắc đầu vào HDMI.
- Mô tả kết nối HDMI
  - HDMI chỉ xuất ra tín hiệu số thuần tuý đến TV.
  - Nếu TV của bạn không hỗ trợ HDCP (Bảo vệ Nội dung Kỹ thuật số Băng thông Rộng), sẽ xuất hiện nhiễu ngẫu nhiên trên màn hình.
- HDCP là gì?
- HDCP (Bảo vệ Nội dung Kỹ thuật số Băng thông Rộng) là hệ thống giúp bảo vệ nội dung DVD được xuất ra qua HDMI không bị sao chép. HDCP cung cấp liên kết kỹ thuật số an toàn giữa nguồn video (PC, DVD, v.v...) và thiết bị hiển thị (TV, máy chiếu, v.v...). Nội dung được mã hoá tại thiết bị nguồn nhằm ngăn chặn việc tạo ra các bản sao trái phép.

✎ **LƯU Ý**

- Khi cáp HDMI được kết nối, các tín hiệu composite (Video) và component video sẽ không được xuất ra.

### Sử dụng Anynet+(HDMI-CEC)

Anynet+ là chức năng cho phép bạn điều khiển các Thiết bị Samsung khác bằng bộ điều khiển từ xa của TV Samsung. Có thể sử dụng Anynet + bằng cách kết nối sản phẩm này với TV SAMSUNG bằng Cáp HDMI. Chức năng này chỉ sẵn có với TV SAMSUNG hỗ trợ Anynet+.

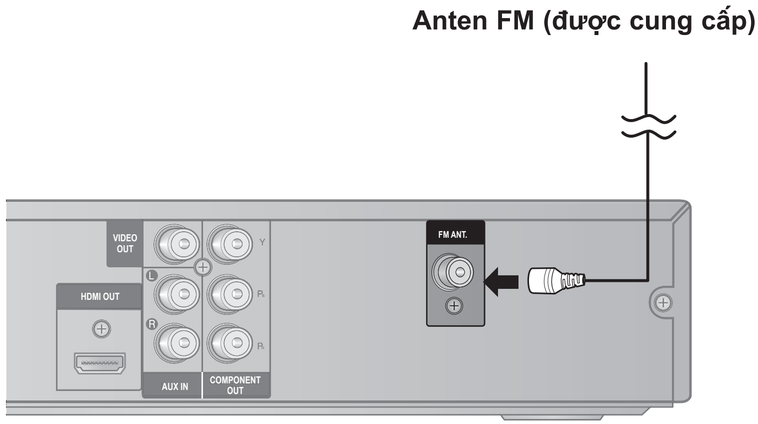
1. Kết nối sản phẩm với TV Samsung bằng cáp HDMI. ( Xem trang 18 )
2. Cài đặt chức năng Anynet+ trên TV của bạn. (Xem sách hướng dẫn sử dụng của TV để biết thêm thông tin.)

✎ **LƯU Ý**

- Chức năng Anynet+ hỗ trợ một số nút trên bộ điều khiển từ xa.
- Chức năng này không hoạt động nếu cáp HDMI không hỗ trợ CEC.
- Tuỳ vào TV của bạn, một số độ phân giải đầu ra HDMI nhất định có thể không hoạt động. Hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng của TV.
- Hãy kiểm tra Anynet+ HDMI-CEC (Nếu TV của bạn có Anynet+ HDMI-CEC thì nó hỗ trọ chức năng Anynet+).

# Kết nối

## Kết nối Anten FM

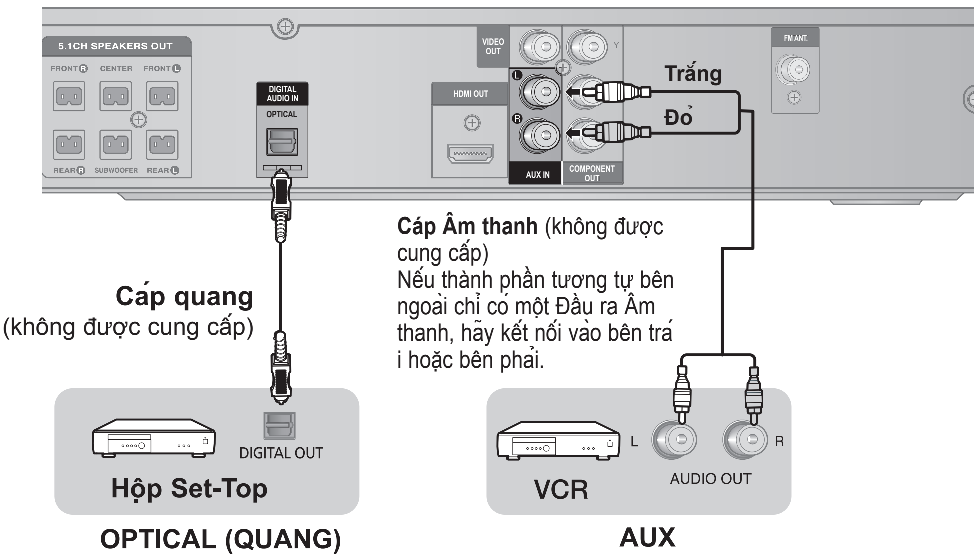



1. Kết nối anten FM được cung cấp với giắc Anten FM.
2. Di chuyển từ từ dây anten theo nhiều hướng cho tới khi bạn tìm được vị trí thu tín hiệu tốt, sau đó gắn chặt dây vào tường hoặc bề mặt cứng khác.

✎ **LƯU Ý**

- Sản phẩm này không thu các chương trình phát sóng AM.

## Kết nối Âm thanh từ các Thành phần bên ngoài




## AUX: Kết nối Thành phần Tương tự Bên ngoài

Các thành phần sử dụng tín hiệu tương tự chẳng hạn như VCR.

1. Kết nối **AUX IN** (Audio) ở phía sau sản phẩm với Đầu ra Âm thanh của thành phần Tương tự bên ngoài
   - Hãy đảm bảo các màu của các giấc kết nối khớp với nhau.
2. Bấm nút **FUNCTION** để chọn đầu vào **AUX.**
   - Chế độ chuyển đổi như sau:
     **DVD/CD → D.IN → AUX → USB → FM**.

**LƯU Ý**

- Bạn có thể kết nối giấc Đầu ra Video của VCR với TV và kết nối các giấc Đầu ra Âm thanh của VCR với sản phẩm này.

## OPTICAL (QUANG): Kết nối Thành phần Số Bên ngoài

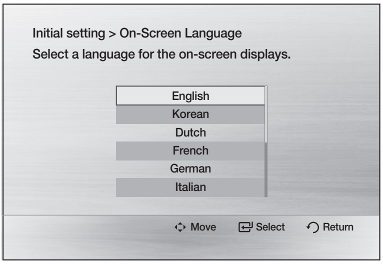
Các thành phần sử dụng tín hiệu số như Hộp cáp/Bộ thu vệ tinh (Hộp Set-Top).

1. Kết nối **DIGITAL AUDIO IN** (OPTICAL) ở phía sau sản phẩm với Đầu ra Kỹ thuật số của thành phần số bên ngoài.
2. Bấm nút **FUNCTION** để chọn **D.IN**
   - Chế độ chuyển đổi như sau:
     **DVD/CD → D.IN → AUX → USB → FM**.

# Thiết lập

## Trước khi Bắt đầu (Cài đặt Ban đầu)

1. Bấm nút **POWER** khi sản phẩm được cắm vào TV lần đầu tiên.
   Màn hình Initial Setting (Cài đặt Ban đầu) sẽ hiển thị.




2. Bấm các nút ▲▼ để chọn ngôn ngữ mong muốn, sau đó bấm nút **ENTER.**
3. Bấm nút **ENTER** để chọn nút Start (Bắt đầu).
4. Bấm các nút ▲▼ để chọn Tỷ lệ khung hình TV mong muốn, sau đó bấm nút **ENTER**.
5. Bấm nút **ENTER** để chọn nút Start (Bắt đầu).

### ✎ LƯU Ý

- Nếu cáp HDMI được kết nối với sản phẩm, tỷ lệ khung hình của TV sẽ không xuất hiện.
- Nếu bạn chuyển sang màn hình trước, hãy bấm nút RETURN.
- Khi bạn đã chọn ngôn ngữ cho menu, bạn có thể thay đổi ngôn ngữ bằng cách bấm nút **STOP** (■) trên bộ điều khiển từ xa trong hơn 5 giây mà không có đĩa bên trong.
- Khi màn hình Initial Setting (Cài đặt Ban đầu) không xuất hiện, hãy tham khảo Cài đặt Ban đầu. ( Xem trang 26 )

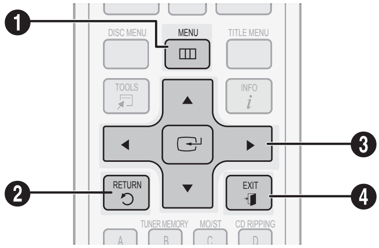
## Chọn Định dạng Video

Mỗi quốc gia có một chuẩn định dạng video khác nhau. Bạn có thể chọn định dạng video NTSC hoặc PAL. Bấm và giữ nút Số 7 trên bộ điều khiển từ xa trong hơn 5 giây khi sản phẩm đã tắt.

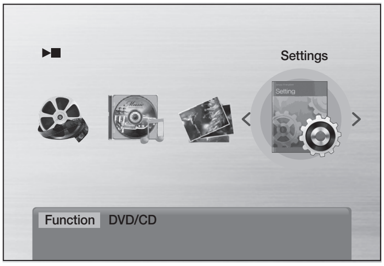
- "NTSC" hoặc "PAL" sẽ xuất hiện trên màn hình. Vào thời điểm này, bấm nút Số 7 để chọn "NTSC" hoặc "PAL".
- Định dạng video của đĩa phải giống với định dạng video của TV.

## Cài đặt menu Thiết lập

Bước truy cập có thể khác nhau tuỳ vào menu được chọn. GUI (Giao diện Người dùng Đồ hoạ) trong sách hướng dẫn này có thể khác nhau, tuỳ vào phiên bản chương trình cơ sở.




| | |
|---|---|
| 1 | NÚT **MENU**: Hiển thị menu chính. |
| 2 | NÚT **RETURN**: Trở về menu Thiết lập trước. |
| 3 | NÚT **ENTER / DIRECTION** (ENTER / MŨI TÊN CHỈ HƯỚNG):<br>Di chuyển con trỏ và chọn mục.<br>Chọn mục hiện đang được chọn.<br>Xác nhận cài đặt. |
| 4 | NÚT **EXIT**: Thoát khỏi menu thiết lập. |




1. Bấm nút **POWER.**
2. Bấm các nút ◄► để chọn **Settings**, sau đó bấm nút **ENTER.**
3. Bấm các nút ▲▼ để chọn menu mong muốn, sau đó bấm nút **ENTER.**
4. Bấm các nút ▲▼ để chọn menu con mong muốn, sau đó bấm nút **ENTER.**
5. Bấm các nút ▲▼ để chọn mục mong muốn, sau đó bấm nút **ENTER.**
6. Bấm nút **EXIT** để thoát khỏi menu thiết lập.

## Hiển thị

Bạn có thể định cấu hình nhiều tuỳ chọn hiển thị khác nhau như Tỷ lệ khung hình của TV, Độ phân giải, v.v...

## Tỷ lệ khung hình của TV

Tuỳ vào loại TV bạn sử dụng, bạn có thể muốn điều chỉnh cài đặt màn hình.

| • 4:3 Pan-Scan | |
|---|---|
|  | Chọn khi bạn muốn xem video 16:9 của DVD mà không có các thanh màu đen phía trên và phía dưới, ngay cả khi TV của bạn có màn hình tỷ lệ 4:3 (các phần hình ảnh phim ở ngoài cùng bên trái và bên phải sẽ bị cắt bỏ). |
| • 4:3 Letter Box | |
|  | Chọn khi bạn muốn xem toàn bộ màn hình tỷ lệ 16:9 của DVD, ngay cả khi TV của bạn có màn hình tỷ lệ 4:3. Các thanh màu đen sẽ xuất hiện ở phía trên và phía dưới màn hình. |
| • 16:9 Wide | |
|  | Bạn có thể xem toàn bộ hình ảnh 16:9 trên TV màn hình rộng. |

✎ **LƯU Ý**

- Khi sử dụng HDMI, màn hình tự động chuyển sang chế độ 16:9 Wide và Khung hình TV sẽ không hoạt động.
- Nếu DVD ở tỷ lệ 4:3, bạn không thể xem DVD ở màn hình rộng.
- Vì các đĩa DVD được ghi theo nhiều định dạng hình ảnh khác nhau, do đó các đĩa DVD sẽ khác nhau tuỳ theo cài đặt phần mềm, loại TV và tỷ lệ khung hình TV.

## BD Wise

**(Chỉ sản phẩm của Samsung)**

BD Wise là tính năng kết nối mới nhất của Samsung. Khi bạn kết nối các sản phẩm có BD-Wise của Samsung với nhau thông qua HDMI, độ phân giải tối ưu sẽ được thiết lập tự động.

- **On (Bật)**: Độ phân giải ban đầu của đĩa DVD sẽ được xuất trực tiếp ra TV.
- **Off (Tắt)**: Độ phân giải đầu ra sẽ được cố định theo Độ phân giải đã được thiết lập trước đó, không tính đến độ phân giải của đĩa.

✎ **LƯU Ý**

- Độ phân giải này sẽ tối ưu hoá chất lượng hình ảnh theo nội dung (Trong đĩa, DVD, v.v...) mà bạn muốn phát và sản phẩm hoặc TV Samsung tương thích với BD Wise của bạn.
- Nếu bạn muốn thay đổi độ phân giải trong chế độ BD Wise, trước hết, bạn phải đặt chế độ BD thành Off (Tắt).
- BD Wise sẽ tắt nếu sản phẩm được kết nối với một thiết bị không hỗ trợ BD Wise.

## Độ phân giải

Thiết lập độ phân giải đầu ra tín hiệu video HDMI. Số trong 480p (576p), 720p, 1080i và 1080p cho biết số dòng video.
i và p lần lượt là quét xen kẽ và quét liên tục.

- **BD Wise**: Tự động thiết lập độ phân giải tối ưu khi được kết nối qua HDMI tới TV có tính năng BD Wise. (Mục menu BD Wise chỉ xuất hiện nếu BD Wise được đặt thành On (Bật)).
- **480p(576p)**: Xuất ra 480 dòng video liên tục.
- **720p**: Xuất ra 720 dòng video liên tục.
- **1080i**: Xuất ra 1080 dòng video xen kẽ.
- **1080p**: Xuất ra 1080 dòng video liên tục.

✎ **LƯU Ý**

- Nếu Component hoặc Composite được kết nối, độ phân giải này chỉ hỗ trợ 480i(576i).
- 1080P có thể không xuất hiện tuỳ theo TV.

## Định dạng HDMI

Bạn có thể tối ưu hoá cài đặt màu sắc từ đầu ra HDMI. Chọn Loại thiết bị được kết nối.

- **TV**: Chọn nếu đã kết nối với TV qua HDMI.
- **Monitor (Màn hình)**: Chọn nếu đã kết nối với Màn hình qua HDMI.

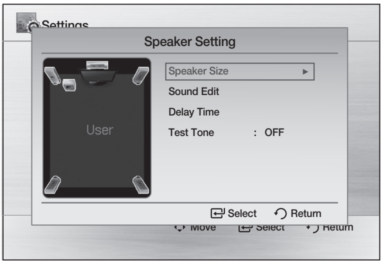
# Thiết lập

## Âm thanh

## Cài đặt Loa

### Âm lượng Loa

Bạn có thể đặt Cỡ Loa của Loa Giữa và Loa Sau cũng như Âm Thử nghiệm trong chế độ này.



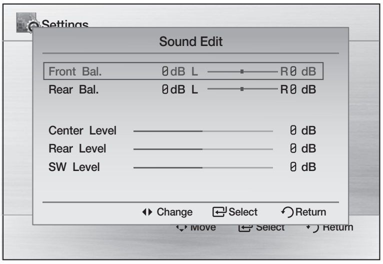

- Đối với các Loa trước, chế độ này được đặt thành Small (Nhỏ).
- Đối với loa Siêu trầm, chế độ này được đặt thành Present (Hiện tại).
- Đối với các Loa giữa và Sau, bạn có thể chuyển chế độ này thành Small (Nhỏ) hoặc None (Không).
  - **Small (Nhỏ)**: Chọn chế độ này khi sử dụng loa.
  - **None (Không)**: Chọn chế độ này khi loa không được kết nối.

✎ **LƯU Ý**

- Chế độ loa có thể khác nhau tuỳ thuộc vào cài đặt Dolby Pro Logic và Stereo.

### Hiệu chỉnh Âm thanh

Bạn có thể điều chỉnh độ cân bằng và âm lượng cho từng loa.




Bấm các nút ▲▼ để chọn và điều chỉnh loa mong muốn.
Bấm các nút ◄► để điều chỉnh cài đặt.

**Điều chỉnh Độ cân bằng của Loa trước/sau**

- Bạn có thể chọn từ 0 đến -6.
- Âm lượng giảm khi bạn di chuyển gần hơn đến –6.

**Điều chỉnh Âl lượng của Loa giữa/sau/siêu trầm Có thể điều chỉnh**

- Âm lượng theo các bước từ +6dB đến –6dB.
- Âm thanh sẽ to hơn khi bạn di chuyển gần hơn đến +6dB và nhỏ hơn khi di chuyển gần hơn đến -6dB.

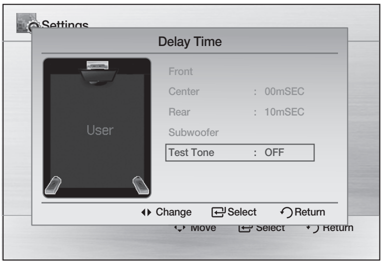
### Thời gian Trễ

Nếu không thể đặt các loa cách vị trí nghe với khoảng cách bằng nhau thì bạn có thể điều chỉnh thời gian trễ của tín hiệu âm thanh từ Loa giữa và Sau.

Bạn cũng có thể thiết lập Tín hiệu Thử trong chế độ này.

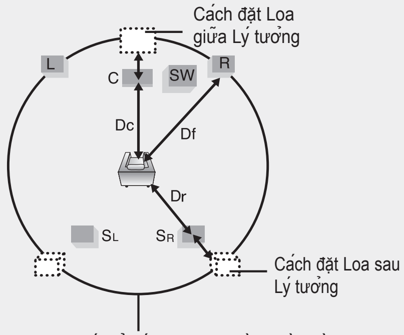
**Thiết lập Thời gian Trễ của Loa**

Khi phát Âm thanh Vòng 5.1CH, bạn có thể thưởng thức âm thanh tốt nhất nếu khoảng cách giữa bạn và mỗi loa bằng nhau.
Vì âm thanh đến vị trí nghe vào thời điểm khác nhau tuỳ thuộc vào việc đặt loa, do đó bạn có thể điều chỉnh sự khác biệt này bằng cách thêm hiệu ứng trễ cho âm thanh của Loa giữa và Loa sau.




✎ **LƯU Ý**

- Menu Thời gian Trễ sẽ được kích hoạt chỉ khi phát nguồn kênh 5.1.
- Bạn không thể thiết lập Loa giữa và Sau trong chế độ này khi Âm lượng của Loa giữa và Sau được đặt thành None (Không).




Đặt tất cả các loa trong vòng tròn này.

Df: Khoảng cách so với Loa trước
Dc: Khoảng cách so với Loa giữa
Dr: Khoảng cách so với Loa sau

### Thiết lập Loa giữa

Nếu khoảng cách của Dc bằng hoặc dài hơn khoảng cách của Df trong hình, đặt chế độ là 0ms.
Hoặc, thay đổi cài đặt theo bảng.

| Khoảng cách giữa Df và Dc | 0.00m | 0.34m | 0.68m | 1.06m | 1.40m | 1.76m |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thời gian Trễ | 00 ms | 01 ms | 02 ms | 03 ms | 04 ms | 05 ms |

### Thiết lập Loa sau

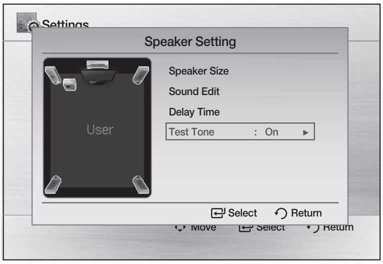
Nếu khoảng cách của Dc bằng hoặc dài hơn khoảng cách của Dr trong hình, đặt chế độ là 0ms.
Hoặc, thay đổi cài đặt theo bảng.

| Khoảng cách giữa Dr và Dc | 0.00m | 1.06m | 2.11m | 3.16m | 3.62m | 5.29m |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thời gian Trễ | 00 ms | 03 ms | 06 ms | 09 ms | 12 ms | 15 ms |

✎ **LƯU Ý**

- Với ▯▯ PL II (Dolby Pro Logic II), thời gian trễ có thể khác nhau đối với từng chế độ.
- Với AC-3 và DTS, có thể đặt thời gian trễ trong khoảng từ 00 đến 15mSEC.
- Chỉ có thể điều chỉnh kênh Giữa trên đĩa kênh 5.1.

### Tín hiệu Thử




Sử dụng tính năng Tín hiệu Thử để kiểm tra kết nối của loa.

- Bấm các nút ◄► để chọn **ON** (BẬT).
- Tín hiệu Thử sẽ được gửi đi theo thứ tự **Phía trước Bên trái → Giữa → Phía trước Bên phải → Phía sau Bên phải → Phía sau Bên trái → Siêu trầm.**
  Để dừng tín hiệu thử, bấm nút **ENTER.**

## DRC (Nén Dải tần Động)

Tính năng này làm cân bằng phạm vi giữa âm thanh to nhất và âm thanh nhỏ nhất. Bạn có thể sử dụng chức năng này để thưởng thức âm thanh Dolby Digital khi xem phim ở âm lượng thấp vào ban đêm.

- Bạn có thể chọn tắt, 2/8, 4/8, 6/8 hoặc Đầy đủ.

## AV-SYNC (ĐỒNG BỘ HOÁ AV)

Đồng bộ hoá video và âm thanh có thể không khớp với TV kỹ thuật số.
Nếu xảy ra đồng bộ hoá, hãy điều chỉnh thời gian trễ âm thanh để khớp với video

- Bạn có thể đặt thời gian trễ âm thanh trong khoảng từ 0 mSec đến 300 mSec. Đặt thời gian trễ âm thanh về trạng thái tối ưu.

## HDMI AUDIO (ÂM THANH HDMI)

Có thể Bật/Tắt tín hiệu âm thanh được truyền qua Cáp HDMI.

- **On (Bật)**: Cả tín hiệu video và âm thanh được truyền qua cáp kết nối HDMI và âm thanh chỉ được phát ra qua loa TV của bạn.
- **Off (Tắt):** Video chỉ được truyền qua cáp kết nối HDMI và âm thanh chỉ được phát ra qua loa sản phẩm.

# Thiết lập

✎ **LƯU Ý**

- Cài đặt mặc định của chức năng này là Tất Âm thanh HDMI.
- Âm thanh HDMI được tự động trộn xuống 2ch đối với loa TV.
- Khi Âm thanh HDMI được đặt thành On (Bật), thì PL II /DSP EQ /P.BASS không hoạt động.

## Bộ tối ưu hoá EQ

Đặt EQ tối ưu tự động tuỳ theo khu vực.

- **Off (Tắt)**: Tắt Bộ tối ưu hoá EQ.
- **On (Bật)**: Bật Bộ tối ưu hoá EQ.

## Hệ thống

## Cài đặt Ban đầu

Bằng cách sử dụng Cài đặt Ban đầu, bạn có thể đặt ngôn ngữ và tỷ lệ khung hình của Ti vi.

✎ **LƯU Ý**

- Nếu cáp HDMI được kết nối với sản phẩm, khung hình TV không xuất hiện và được đặt tự động thành 16:9 Wide.

## Đăng ký DivX(R)

Xem Mã Đăng ký DivX(R) VOD để mua và phát nội dung DivX(R) VOD.

## Ngôn ngữ

Bạn có thể chọn ngôn ngữ ưa thích cho menu trên màn hình, menu đĩa, v.v...

| | |
|---|---|
| **Ngôn ngữ OSD** | Chọn ngôn ngữ để hiển thị trên màn hình. |
| **Menu Đĩa** | Chọn ngôn ngữ để hiển thị trên menu đĩa. |
| **Âm thanh** | Chọn ngôn ngữ cho âm thanh của đĩa. |
| **Phụ đề** | Chọn ngôn ngữ cho phụ đề của đĩa. |

※ Để chọn ngôn ngữ không xuất hiện trong menu, chọn OTHERS (KHÁC) trong Disc Menu (Menu Đĩa), Audio (Âm thanh) và Subtitle (Phụ đề) rồi nhập mã quốc gia. (Xem trang 37).

※ Bạn không thể chọn OTHERS (KHÁC) trong menu Ngôn ngữ OSD.

✎ **LƯU Ý**

- Ngôn ngữ được chọn sẽ chỉ xuất hiện nếu nó được hỗ trợ trên đĩa.

## Bảo mật

Chức năng Khoá Trẻ em hoạt động cùng với DVD đã được chỉ định một mức xếp loại giúp bạn điều khiển các loại DVD mà gia đình bạn đang xem.
Có tới 8 mức xếp loại trên một đĩa.

## Xếp loại của Cha mẹ

Chọn mức xếp loại bạn muốn thiết lập.

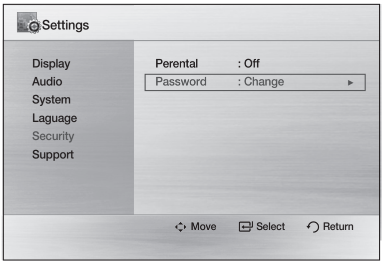
Số lớn hơn cho biết rằng chương trình chỉ dành cho người lớn. Ví dụ, nếu bạn chọn tối đa Mức 6, thì những đĩa có Mức 7, 8 sẽ không chạy.

Nhập mật khẩu rồi bấm nút **ENTER.**

- Mật khẩu được đặt là "7890" theo mặc định.
- Sau khi hoàn tất thiết lập, bạn sẽ được trở lại màn hình trước đó.

## Thay đổi Mật khẩu

Chọn Thay đổi và nhập mật khẩu gồm 4 chữ số để đặt khoá trẻ em bằng các nút số trên điều khiển từ xa.




### Nếu bạn quên mật khẩu

1. Lấy đĩa ra.
2. Bấm và giữ nút **STOP** (■) trên điều khiển từ xa trong 5 giây hoặc lâu hơn. Tất cả cài đặt sẽ trở về cài đặt của nhà sản xuất.

## Hỗ trợ

## Thông tin Sản phẩm

Cung cấp thông tin về sản phẩm như mã Kiểu máy, Phiên bản Phần mềm, v.v..

# Chức năng Cơ bản

## Phát đĩa

1. Bấm nút **OPEN/CLOSE** (MỞ/ĐÓNG) (⏏).
2. Đặt nhẹ nhàng đĩa vào khay với nhãn đĩa hướng lên trên.
3. Bấm nút **OPEN/CLOSE** (MỞ/ĐÓNG) (⏏) để đóng khay đĩa.

✎ **LƯU Ý**

- Chức năng Tiếp tục: Khi dừng phát đĩa, sản phẩm sẽ ghi nhớ lại vị trí bạn dừng, như vậy khi bạn bấm lại nút **PLAY** (PHÁT), đầu sẽ mở từ đoạn bạn dừng lại. (Chức năng này chỉ hoạt động với DVD.) Bấm nút **STOP** (DỪNG) hai lần trong lúc mở để vô hiệu hoá chức năng Tiếp tục.
- Nếu không bấm nút nào trên sản phẩm hoặc điều khiển từ xa trong hơn 3 phút khi sản phẩm đang ở chế độ Pause (Tạm dừng) thì sản phẩm sẽ đổi thành chế độ STOP (DỪNG).
- Màn hình ban đầu có thể khác, tuỳ theo nội dung của đĩa.
- Các đĩa lậu sẽ không chạy được trong sản phẩm này vì nó vi phạm các khuyến cáo của CSS (Hệ thống Xáo trộn Nội dung: một hệ thống bảo vệ bản quyền).

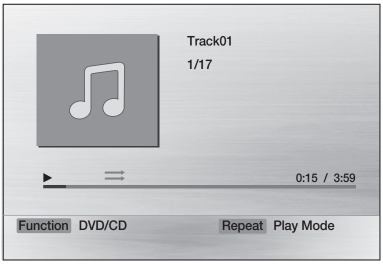
※ ⊘ sẽ xuất hiện khi bấm nút không hợp lệ.

## Chức năng Bảo vệ Màn hình/Tiết kiệm Điện của TV

- Nếu để sản phẩm ở chế độ dừng hơn 5 phút mà không có bất kỳ giao diện người dùng nào, bảo vệ màn hình sẽ xuất hiện trên TV của bạn.
- Nếu để sản phẩm ở chế độ bảo vệ màn hình quá 25 phút, nguồn điện sẽ tự động tắt (Chức năng Tự động Tắt Nguồn điện).

## Phát đĩa Audio CD (CD-DA)/MP3/WMA

CD MP3




1. Đưa đĩa Audio CD (CD-DA) hoặc MP3 vào khay đĩa.
   - Với đĩa Audio CD, bài hát đầu tiên sẽ được mở tự động.
     - Bấm các nút ⏮⏭ để di chuyển đến bài hát trước/tiếp theo.
   - Với đĩa MP3/WMA, bấm các nút ◄► để chọn **Music** (Nhạc), rồi bấm nút **ENTER**.
     - Bấm các nút ▲▼◄► để chọn một tệp mong muốn rồi bấm nút **ENTER.**
     - Bấm các nút ◄◄ ►► để di chuyển đến trang trước/sau.
2. Bấm nút **STOP** (DỪNG) (■) để dừng phát.

✎ **LƯU Ý**

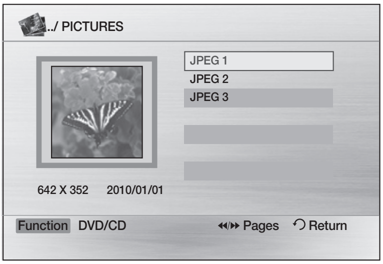
- Một số đĩa CD MP3/WMA có thể không chạy, tuỳ theo chế độ ghi đĩa.
- Mục lục đĩa CD MP3 khác nhau tuỳ theo định dạng bài hát MP3/WMA được ghi trên đĩa.
- Không thể mở các tệp WMA-DRM.

# Chức năng Cơ bản

## Phát tệp JPEG

Có thể lưu ảnh được chụp bằng máy ảnh kỹ thuật số hoặc máy quay video hoặc các tệp JPEG trên PC vào một CD rồi mở bằng sản phẩm này.

1. Đưa đĩa JPEG vào khay đĩa.
2. Bấm các nút ◄► để chọn **Photo** (Ảnh) rồi bấm nút **ENTER.**
3. Bấm các nút ▲▼ để chọn thư mục bạn muốn mở rồi bấm nút **ENTER.**
4. Bấm các nút ▲▼ để chọn ảnh bạn muốn mở rồi bấm nút **ENTER.**
   - Tệp được chọn sẽ mở và trình chiếu sẽ bắt đầu.
   - Để dừng trình chiếu, bấm nút **PAUSE** (DỪNG) (**II**).
   - Bạn có thể xem tệp trước đó/tiếp theo bằng cách bấm nút ◄,► trong chế độ trình chiếu.




## Chức năng Xoay

JPEG

Bấm nút **XANH LỤC(B)** hoặc **VÀNG(C)** trong chế độ PAUSE (TẠM DỪNG).

- Nút **XANH LỤC(B)**: Xoay 90° Ngược chiều kim đồng hồ.
- Nút **VÀNG(C)**: Xoay 90° Theo chiều kim đồng hồ.

✎ **LƯU Ý**

- Độ phân giải tối đa được sản phẩm này hỗ trợ là 5120 x 3480 (hoặc 19,0 MPixel) đối với các tệp JPEG chuẩn và 2048 x 1536 (hoặc 3,0 MPixel) đối với các tệp ảnh liên tục.

## Sử dụng Chức năng Phát

### Tìm kiếm Tiến/Lùi

DVD CD DivX MP3

Bấm các nút ◄◄ ►► cho Chức năng Tìm kiếm.

◄◄ : ◄◄ 1 → ◄◄ 2 → ◄◄ 3 → ◄◄ 4

►► : ►► 1 → ►► 2 → ►► 3 → ►► 4

✎ **LƯU Ý**

- Trong khi phát nhanh CD, chỉ nghe được âm thanh ở tốc độ bước 1 và 2.
- Không nghe thấy âm thanh trong khi phát nhanh DVD/DivX.

### Bỏ qua Cảnh/Bài hát

DVD CD MP3 DivX

Bấm các nút |◄◄ ►►|.

- Trong khi mở, mỗi lần bấm nút này, chương, bài hát hoặc thư mục (tệp) trước đó hoặc tiếp theo sẽ được phát.
- Bạn không thể bỏ qua các chương liên tiếp.

### Phát chậm

DVD DivX

Bấm nút **PAUSE** (TẠM DỪNG) (**II**) rồi nút ►► để Phát chậm.

| | |
|---|---|
| DVD | I►1 → I►2 → I►3 |
| DivX | I►1 → I►2 → I►3 |

✎ **LƯU Ý**

- Không nghe thấy âm thanh nào trong chế độ phát chậm.
- Chế độ phát lùi chậm không hoạt động.

## Phát Từng bước

DVD DivX

Bấm nút **PAUSE** (TẠM DỪNG) nhiều lần.

- Hình ảnh di chuyển một khung hình về phía trước mỗi lần bấm nút này trong khi mở.

✎ **LƯU Ý**

- Không nghe thấy âm thanh nào trong chế độ phát từng bước.

## Chức năng Bỏ qua 5 Phút

DivX

Trong lúc mở, bấm nút ◄,► .

- Mỗi khi bạn bấm nút ► đĩa sẽ phát qua 5 phút.
- Mỗi khi bạn bấm nút ◄ đĩa sẽ phát lùi lại 5 phút.

✎ **LƯU Ý**

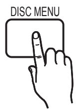
- Bạn chỉ có thể sử dụng chức năng này trên DivX.

## Sử dụng Menu Đĩa

DVD

Bạn có thể xem các menu cho ngôn ngữ âm thanh, ngôn ngữ phụ đề, cấu hình, v.v...

1. Trong khi mở, bấm nút **DISC MENU** trên điều khiển từ xa.
2. Bấm các nút ▲▼◄► để thực hiện lựa chọn mong muốn rồi bấm nút **ENTER.**




✎ **LƯU Ý**

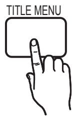
- Tuỳ theo đĩa, các mục thiết lập menu có thể khác nhau và menu này có thể không có.

## Sử dụng Menu Tiêu đề

DVD

Đối với các DVD có nhiều tiêu đề, bạn có thể xem tiêu đề của từng phim.

1. Trong khi mở, bấm nút **TITLE MENU** trên điều khiển từ xa.
2. Bấm các nút ▲▼◄► để thực hiện lựa chọn mong muốn rồi bấm nút **ENTER.**




✎ **LƯU Ý**

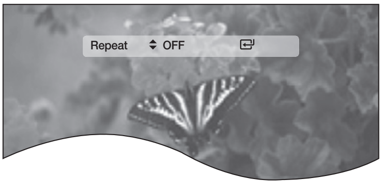
- Tuỳ theo đĩa, các mục thiết lập menu có thể khác nhau và menu này có thể không có.

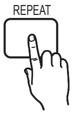
# Chức năng Cơ bản

## Phát lại

### Phát lại DVD/DivX

Bạn có thể phát lại tiêu đề, chương hoặc phần (Phát lại A-B) của DVD/DivX.




1. Trong khi mở DVD/DivX, bấm nút **REPEAT** trên điều khiển từ xa.
2. Bấm các nút ▲▼ để chọn chế độ phát lại mong muốn rồi bấm nút **ENTER.**
3. Bấm các nút ▲▼ để chọn **OFF** (TẮT) để trở lại chế độ phát bình thường rồi bấm nút **ENTER.**

| | |
|---|---|
| DVD-VIDEO | **Title ➞ Chapter ➞ A - ➞ Off** |
| DivX | **Track ➞ Dir** (Directory) **➞ Disc ➞ Off** |

### Phát lại CD/MP3

1. Trong khi mở CD/ MP3, bấm nút REPEAT nhiều lần để chọn chế độ phát lại mong muốn.

| | |
|---|---|
| CD | (Normal ➞ Repeat Track ➞ Repeat All ➞ Random ➞ Repeat Section A-B) |
| MP3 | (Normal ➞ Repeat Track➞ Repeat Dir ➞ Repeat All➞ Random) |

## Phát lại A-B

Bạn có thể phát lại nhiều lần phần được chỉ định trong một DVD hoặc CD.

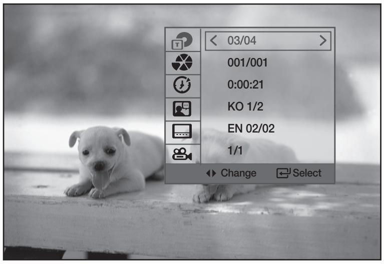
1. Trong khi mở đĩa DVD hoặc CD, bấm nút **REPEAT** trên điều khiển từ xa.
2. Với DVD, bấm các nút ▲▼ để chọn **A-.**
   Với CD bấm nút **REPEAT** nhiều lần cho đến khi hiển thi (A-B) .
3. Bấm nút **ENTER** tại điểm bạn muốn bắt đầu phát lại **(A).**
4. Bấm nút **ENTER** tại điểm bạn muốn dừng phát lại **(B).**
5. Để trở lại chế độ phát bình thường:
   Với DVD, bấm các nút ▲▼để chọn **OFF** (TẮT).
   Với CD, bấm nút **REPEAT** để chọn ⇉.

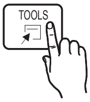
✎ **LƯU Ý**

- Chức năng Phát lại A-B không hoạt động với đĩa DivX, MP3 hoặc JPEG.

## Hiển thị Thông tin Đĩa

DVD DivX




1. Trong khi mở đĩa, bấm nút **TOOLS** trên điều khiển từ xa.
2. Bấm các nút ▲▼ để chọn mục mong muốn.
3. Bấm các nút ◄► để thay đổi cài đặt mong muốn rồi bấm nút **ENTER.**
   - Bạn có thể sử dụng các nút số trên điều khiển từ xa để điều khiển một số mục.
4. Để thông tin Đĩa biến mất, bấm lại nút **TOOLS.**

✎ **LƯU Ý**

- Nếu bạn đang mở nội dung từ menu công cụ, một số chức năng có thể không được kích hoạt tuỳ theo đĩa.
- Bạn cũng có thể chọn DTS, Dolby Digital hoặc Pro Logic, tuỳ theo đĩa.
- Một số menu công cụ có thể khác nhau tuỳ theo đĩa và tệp.

### Menu TOOLS (CÔNG CỤ)

- **Title (Tiêu đề)** ( ) : Để truy cập tiêu đề mong muốn khi có nhiều tiêu đề trong đĩa. Chẳng hạn, nếu có nhiều phim trong một đĩa DVD, mỗi phim sẽ được nhận dạng là một Tiêu đề.
- **Chapter (Chương)** ( ) : Hầu hết các đĩa DVD được ghi theo chương để bạn có thể tìm nhanh một chương cụ thể.
- **Playing time (Thời gian phát)**( ) : Cho phép mở phim bắt đầu từ thời điểm bạn muốn. Bạn phải nhập thời điểm bắt đầu để làm tham chiếu.
- Chức năng tìm kiếm thời gian không hoạt động trên một số đĩa.
- **Audio (Âm thanh)** ( ): Tức là ngôn ngữ của bài hát trong phim. Đĩa DVD có thể chứa tối đa 8 ngôn ngữ âm thanh.
- **Subtitle (Phụ đề )** ( ): Tức là ngôn ngữ của phụ đề có trong đĩa. Bạn sẽ có thể chọn ngôn ngữ của phụ đề hoặc tắt phụ đề để không xuất hiện trên màn hình nếu bạn muốn. Đĩa DVD có thể chứa tối đa 32 ngôn ngữ phụ đề.
- **Angle (Góc xem)** ( ): Khi đĩa DVD có chứa nhiều góc của một cảnh cụ thể, bạn có thể dùng chức năng Angle (Góc).

## Chọn Ngôn ngữ Âm thanh

DVD DivX

1. Bấm nút **TOOLS.**
2. Bấm các nút ▲▼ để chọn hiển thị **AUDIO** (ÂM THANH) ( ).
3. Bấm các nút ◄► hoặc nút số để chọn ngôn ngữ âm thanh mong muốn.
   - Tuỳ theo số lượng ngôn ngữ trên đĩa DVD, một ngôn ngữ âm thanh khác được chọn mỗi lần bấm nút này.

# Chức năng Cơ bản

## Chọn Ngôn ngữ Phụ đề

DVD DivX

1. Bấm nút **TOOLS.**
2. Bấm các nút ▲▼ để chọn hiển thị **SUBTITLE** (PHỤ ĐỀ) ( ).
3. Bấm các nút ◄► hoặc nút số để chọn ngôn ngữ phụ đề mong muốn.
   - Tuỳ theo số lượng ngôn ngữ trên đĩa DVD, một ngôn ngữ phụ đề khác được chọn mỗi lần bấm nút này.

**LƯU Ý**

- Có thể không có chức năng Ngôn ngữ Phụ đề và Ngôn ngữ Âm thanh tuỳ theo đĩa.
- Ở định dạng tệp DivX, ngôn ngữ phụ đề có thể chỉ được thể hiện bằng số.

### Chức năng Chú thích

DivX

- Bạn phải có kinh nghiệm với việc tách và hiệu chỉnh video để sử dụng tính năng này đúng cách.

- Để sử dụng chức năng chú thích, lưu tệp chú thích (*.smi) với cùng tên tệp dưới dạng tệp phương tiện DivX (*.avi) trong cùng thư mục.
  Ví dụ Root Samsung_007CD1.avi
  Samsung_007CD1.smi
- Có tối đa 60 ký tự chữ-số hoặc 30 ký tự Đông Á (ký tự 2 byte như tiếng Hàn và tiếng Trung).
- Phụ đề của các tệp DivX là *.smi, *.sub, *.srt trên 148 kbyte không được hỗ trợ.

## Chức năng Góc xem

DVD

Chức năng này cho phép bạn xem cùng một cảnh theo nhiều góc khác nhau.

1. Bấm nút **TOOLS.**
2. Bấm các nút ▲▼ để chọn hiển thị **ANGLE** (GÓC XEM) ( ).
3. Bấm các nút ◄► hoặc nút số để chọn góc xem mong muốn.

**LƯU Ý**

- Chức năng Góc xem chỉ hoạt động với các đĩa được ghi theo nhiều góc.

**Chế độ Âm thanh**

## P.BASS

Chức năng P.BASS tăng âm trầm để tăng cường tần số thấp.

Chức năng MP3 ENHANCE (CẢI TIẾN MP3) cung cấp chất lượng âm thanh tốt hơn bằng cách nâng cấp tần số lấy mẫu.

Bấm nút **P.BASS.**



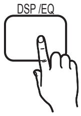

| | |
|---|---|
| **Nguồn LPCM 2 Kênh** | POWER BASS ON → POWER BASS OFF |
| **Tệp MP3** | POWER BASS ON → POWER BASS OFF → MP3 ENHANCE ON |

**LƯU Ý**

- Chức năng P.BASS chỉ có ở các nguồn LPCM 2 kênh chẳng hạn như MP3, Divx, CD và WMA.
- Chức năng P.BASS không hoạt động ở các chế độ DSP/EQ hoặc Dolby Pro Logic II.
  Nếu bạn bấm P.BASS ở chế độ DSP/EQ, chế độ DSP/EQ sẽ tự động tắt và chức năng P.BASS sẽ được bật lên.
- Chức năng Cải tiến MP3 chỉ có ở tệp MP3.

## DSP (Bộ xử lý Tín hiệu Kỹ thuật số)/EQ

- DSP (Bộ xử lý Tín hiệu Kỹ thuật số): Chế độ DSP được thiết kế để mô phỏng các môi trường âm thanh khác nhau.
- EQ: Bạn có thể chọn ROCK, POP hoặc CLASSIC, v.v... để tối ưu hoá âm thanh cho thể loại nhạc bạn đang phát.

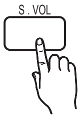



Bấm nút **DSP/EQ.**

| | |
|---|---|
| **POPS, JAZZ, ROCK** | Chọn POPS (POP), JAZZ (JAZZ) hoặc ROCK (ROCK) tuỳ thuộc vào thể loại nhạc mà bạn đang nghe. |
| **STUDIO** | Giúp bạn có cảm giác như đang ở một phòng thu. |
| **CLUB** | Mô phỏng âm thanh của câu lạc bộ khiêu vũ với tiếng trống mạnh. |
| **HALL** | Mang lại thanh âm rõ ràng như thể đang nghe trong phòng hoà nhạc. |
| **MOVIE** | Mang lại cảm giác như đang ở một rạp chiếu phim. |
| **CHURCH** | Đem đến cảm giác như đang ở trong một nhà thờ lớn. |
| **PASS** | Chọn chế độ này để nghe bình thường. |

## S.VOL (ÂM LƯỢNG THÔNG MINH)

Nút này sẽ điều chỉnh và ổn định âm lượng theo sự thay đổi âm lượng mạnh khi đổi kênh hoặc chuyển cảnh.



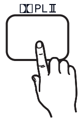

Bấm nút **S.VOL.**

- Mỗi lần bấm nút này, lựa chọn thay đổi như sau:

SMART VOLUME ON → SMART VOLUME OFF

## Chế độ Dolby Pro Logic II

Bạn có thể chọn chế độ âm thanh Dolby Pro Logic II mong muốn.




Bấm nút **PL II.**

| | |
|---|---|
| **MUSIC** | Khi nghe nhạc, bạn có thể trải nghiệm các hiệu ứng âm thanh như khi bạn đang nghe buổi biểu diễn thực. |
| **CINEMA** | Thêm tính trung thực cho nhạc phim. |
| **PROLOG** | Bạn sẽ được trải nghiệm một hiệu ứng đa kênh trung thực trong khi chỉ sử dụng các loa phải và trái ở phía trước. |
| **MATRIX** | Bạn sẽ nghe được âm thanh vòng đa kênh. |
| **STEREO** | Chọn chức năng này để chỉ nghe âm thanh từ Loa trước trái và Loa trước phải và subwoofer. |

**LƯU Ý**

- Khi chọn chế độ Pro Logic II, hãy kết nối thiết bị bên ngoài của bạn với ổ cắm ĐẦU VÀO ÂM THANH (L và R) trên sản phẩm. Nếu bạn chỉ kết nối với một trong hai đầu vào (L hoặc R) thì bạn không thể nghe được âm thanh vòng.
- Chức năng Pro Logic II chỉ có ở chế độ Stereo.

# Chức năng Cơ bản

## Nghe Đài

### Sử dụng các nút trên Bộ điều khiển Từ xa

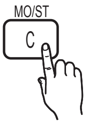
1. Bấm nút **FUNCTION** để chọn **FM.**
2. Dò đến đài mong muốn.
   - **Dò Tự động 1** : Khi bấm các nút ⏮ ⏭ một đài phát cài đặt trước được chọn.
   - **Dò Tự động 2** : Bấm và giữ nút **TUNING/CH** (︿﹀) để tự động tìm kiếm các đài phát đang hoạt động.
   - **Dò Thủ công** : Bấm nút **TUNING/CH** (︿﹀) để tăng hoặc giảm mức tăng tần số.

### Sử dụng các nút trên sản phẩm

1. Bấm nút **FUNCTION** (FUNC. ●) để chọn **FM.**
2. Chọn một đài phát.
   - **Dò Tự động 1** : Bấm nút **STOP** ( ■ ) để chọn **PRESET** (CÀI ĐẶT TRƯỚC) rồi bấm các nút ⏮ ⏭ để chọn đài được cài đặt trước.
   - **Dò Tự động 2** : Bấm nút **STOP** ( ■ ) để chọn **MANUAL** (THỦ CÔNG) rồi bấm và giữ nút ⏮ ⏭ để tự động tìm kiếm dải tần.
   - **Dò Thủ công**: Bấm nút **STOP** (■) để chọn **MANUAL** (THỦ CÔNG) rồi bấm nút ⏮ ⏭ để dò sang tần số thấp hoặc cao hơn.

## Chọn Mono/Stereo

Bấm nút **MO/ST.**

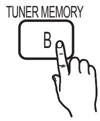



- Mỗi lần bấm nút này, âm thanh sẽ chuyển đổi giữa STEREO và MONO.
- Trong vùng thu kém, chọn MONO để có tín hiệu phát thanh rõ ràng, không bị nhiễu.

## Cài đặt trước Các đài

Ví dụ: Cài đặt trước FM 89.10 trong bộ nhớ

1. Bấm nút **FUNCTION** để chọn **FM.**
2. Bấm nút **TUNING/CH** (DÒ/KÊNH) (︿﹀) để chọn <89.10>.
3. Bấm nút **TUNER MEMORY** (BỘ NHỚ DÒ KÊNH).
   - Số sẽ nhấp nháy trên màn hình.



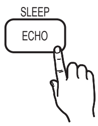

4. Bấm các nút ⏮ ⏭ để chọn số được cài đặt trước.
   - Bạn có thể chọn cài đặt trước từ 1 đến 15.
5. Bấm lại nút **TUNER MEMORY** (BỘ NHỚ DÒ KÊNH).
   - Bấm nút **TUNER MEMORY** (BỘ NHỚ DÒ KÊNH) trước khi số biến mất khỏi màn hình.
   - Số biến mất khỏi màn hình và vị trí kênh được lưu trữ trong bộ nhớ.
6. Để cài đặt trước một kênh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 5.
   - Để dò đến một kênh được cài đặt trước, bấm các nút ⏮ ⏭ trên điều khiển từ xa để chọn kênh.

## Kết nối Micrô

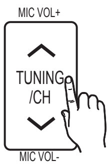
Bạn có thể tận hưởng cảm giác ở một quán karaoke bằng những tiện nghi ở nhà.

Xem video và hát theo lời bài hát có đệm nhạc hiển thị trên màn hình TV.

1. Kết nối micrô với ổ cắm MIC trên panen trước.
2. Bấm nút **ECHO** (VANG) để điều chỉnh độ vang của micrô.




3. Bấm nút **MIC VOL** (ÂM LƯỢNG MIC) để điều chỉnh âm lượng giọng nói của micrô.



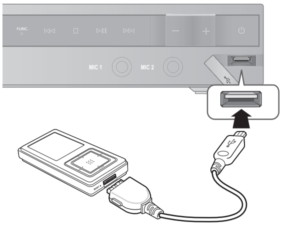
# Chức năng Nâng cao



## Chức năng USB

### Phát các Tệp Phương tiện sử dụng Tính năng của USB Host

Bạn có thể thưởng thức các tệp phương tiện chẳng hạn như hình ảnh, phim và nhạc được lưu trên máy phát MP3, thẻ nhớ USB hoặc máy ảnh kỹ thuật số với video chất lượng cao có âm thanh đa kênh 5.1 bằng cách kết nối thiết bị lưu trữ với cổng USB trên sản phẩm.




1. **1.** Kết nối thiết bị USB với cổng USB trên panen trước của sản phẩm.
2. **2.** Bấm nút **FUNCTION** để chọn USB.
   - **USB** hiển thị trên màn hình rồi biến mất.
3. **3.** Bấm các nút ◄► để chọn **Videos**, **Music** (Nhạc) hoặc **Photo** (Ảnh).
   - Chọn một tệp để phát.

### Rút USB An toàn

Để tránh làm hỏng bộ nhớ được lưu trữ trong thiết bị USB, hãy thực hiện tháo an toàn trước khi ngắt kết nối cáp USB.

- Bấm nút **VÀNG(C).**
  - **REMOVE** (RÚT) sẽ hiển thị trên màn hình.
- Rút cáp USB.

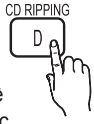
**✎ LƯU Ý**

- Để nghe các tệp nhạc với âm thanh đa kênh 5.1, bạn phải đặt chế độ Dolby Pro Logic II về Matrix. ( Xem trang 33 )
- Từ từ rút cáp USB khỏi cổng USB. Nếu không, có thể làm hỏng cổng USB.

## Sao chép CD

Chuyển âm thanh từ CD sang định dạng tệp MP3 trước khi gửi vào thiết bị lưu trữ USB.

1. **1.** Kết nối thiết bị USB với sản phẩm của bạn.
2. **2.** Đặt audio CD vào khay CD.
3. **3.** Bấm nút **CD RIPPING.**




   - Để bắt đầu sao chép bài hát hiện tại, bấm nút **CD RIPPING** trên điều khiển từ xa trong khi hệ thống đang phát một bài hát hoặc dừng tạm thời.
   - Để sao chép toàn bộ CD, bấm và giữ nút **CD RIPPING** trên bộ điều khiển từ xa.
     -"FULL CD RIPPING" (SAO CHÉP TOÀN BỘ CD) sẽ hiển thị trên màn hình và quá trình sao chép bắt đầu.
4. **4.** Bấm nút **STOP** (■) để dừng sao chép.
   - Khi quá trình sao chép CD hoàn tất, một thư mục có tên là "RIPPING" sẽ được tạo trong thiết bị USB và tệp đã sao chép sẽ được lưu ở định dạng "SAM-XXXX".MP3".

**✎ LƯU Ý**

- Không ngắt kết nối USB hoặc dây nguồn trong khi sao chép CD. Nếu không, có thể làm hỏng dữ liệu. Để dừng sao chép CD, bấm nút STOP và ngắt kết nối thiết bị USB sau khi hệ thống đã dừng phát CD hoàn toàn.
- Nếu bạn ngắt kết nối USB khi đang sao chép CD, hệ thống sẽ tắt và bạn sẽ không thể xoá tệp đã sao chép.
- Nếu bạn kết nối thiết bị USB với hệ thống trong khi hệ thống đang phát CD, hệ thống sẽ dừng tạm thời và sẽ phát lại.
- Không thể sao chép TS-CD.
- Nếu thời gian sao chép dưới 5 giây, thì có thể tệp sao chép chưa được tạo.
- Quá trình sao chép CD chỉ hoạt động khi thiết bị USB hoặc HDD được định dạng trong hệ thống tệp FAT. (Hệ thống tệp NTFS không được hỗ trợ.) Để biết danh sách các thiết bị tương thích, tham khảo các thông số kỹ thuật của USB host.
- Quá trình sao chép được thực hiện ở tốc độ bình thường là x3. Ở một số thiết bị USB, thời gian sao chép có thể lâu hơn.
- Trong khi hệ thống đang sao chép CD, âm thanh sẽ không được phát ra.
- Không chạm hoặc di chuyển hệ thống khi hệ thống đang sao chép CD.

# Thông tin Khác

## Xử lý sự cố

Tham khảo biểu đồ bên dưới khi sản phẩm này không hoạt động đúng cách. Nếu sự cố bạn đang gặp phải không được nêu bên dưới hoặc nếu hướng dẫn bên dưới không giúp được bạn, hãy tắt sản phẩm, ngắt dây nguồn và liên hệ với đại lý uỷ quyền gần nhất hoặc Trung tâm Dịch vụ của Samsung Electronics.

| Hiện tượng | Kiểm tra/Sửa chữa |
|---|---|
| **Tôi không thể lấy đĩa ra.** | • Dây nguồn đã được cắm chắc chắn vào ổ cắm chưa?<br>• Tắt nguồn rồi bật lại. |
| **Không phát được đĩa.** | • Kiểm tra số khu vực của DVD.<br>Đĩa DVD đã mua từ nước ngoài có thể không phát được.<br>• Không thể phát CD-ROM và DVD-ROM trên sản phẩm này.<br>• Đảm bảo rằng mức xếp loại chính xác. |
| **Không thể bắt đầu phát lại ngay khi bấm nút Play/Pause.** | • Bạn có đang sử dụng đĩa bị biến dạng hoặc đĩa bị xước mặt không?<br>• Lau sạch đĩa. |
| **Không có âm thanh.** | • Không nghe thấy âm thanh khi phát nhanh, phát chậm và phát từng bước.<br>• Loa đã được kết nối đúng chưa? Thiết lập loa đã được tuỳ chỉnh chính xác chưa?<br>• Đĩa có bị hỏng nghiêm trọng không? |
| **Chỉ có thể nghe thấy âm thanh từ một số loa không phải toàn bộ 6 loa.** | • Trên một số đĩa DVD, âm thanh chỉ phát ra từ các loa trước.<br>• Kiểm tra xem loa đã được kết nối đúng chưa.<br>• Điều chỉnh âm lượng.<br>• Khi nghe CD, đài hoặc TV, âm thanh chỉ phát ra từ các Loa trước. Chọn "PROLOG" bằng cách bấm PL II (Dolby Pro Logic II) trên điều khiển từ xa để sử dụng toàn bộ 6 loa. |
| **Âm thanh Vòng Dolby Digital 5.1 CH không được tạo ra.** | • Có nhãn "Dolby Digital 5.1 CH" trên đĩa không? Âm thanh Vòng Dolby Digital 5.1 CH chỉ được tạo ra khi đĩa được ghi bằng âm thanh đa kênh 5.1.<br>• Ngôn ngữ âm thanh có được đặt chính xác về Dolby Digital 5.1-CH trong màn hình thông tin không? |
| **Bộ điều khiển từ xa không hoạt động.** | • Có đang sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi góc và khoảng cách hoạt động không?<br>• Có phải pin đã hết?<br>• Bạn đã chọn các chức năng của chế độ (DVD RECEIVER/TV) trên điều khiển từ xa (DVD RECEIVER/TV) chính xác chưa? |
| **• Đĩa đang quay nhưng không có hình ảnh nào được tạo ra.**<br>**• Chất lượng hình ảnh kém và hình ảnh bị rung.** | • Nguồn TV đã được bật chưa?<br>• Cáp video đã được kết nối đúng chưa?<br>• Đĩa có bị bẩn hoặc hỏng không?<br>• Đĩa kém chất lượng có thể không mở được. |
| **Ngôn ngữ âm thanh và phụ đề không hoạt động.** | • Ngôn ngữ âm thanh và phụ đề sẽ không hoạt động nếu đĩa không có ngôn ngữ và phụ đề. |
| **Màn hình menu Đĩa/Tiêu đề không hiển thị ngay cả khi chức năng Đĩa/Tiêu đề được chọn.** | • Bạn có đang sử dụng đĩa không có menu không? |
| **Không thể thay đổi tỷ lệ khung hình.** | • Bạn có thể phát các đĩa DVD 16:9 ở chế độ 16:9 WIDE, chế độ 4:3 LETTER BOX hoặc chế độ 4:3 PAN SCAN, nhưng chỉ có thể xem đĩa DVD 4:3 ở tỷ lệ 4:3. Xem vỏ đĩa DVD rồi chọn chức năng thích hợp. |

| Hiện tượng | Kiểm tra/Sửa chữa |
|---|---|
| • **Sản phẩm hiện không hoạt động. (Ví dụ: Nguồn bị tắt hoặc phím panen trước không hoạt động hoặc nghe thấy tiếng động lạ.)**<br>• **Sản phẩm hiện không hoạt động bình thường.** | • Bấm và giữ nút **STOP** (■) trên điều khiển từ xa trong hơn 5 giây mà không có đĩa (chức năng cài đặt lại).<br><br>**Sử dụng chức năng RESET (CÀI ĐẶT LẠI) sẽ xoá tất cả các cài đặt đã lưu trữ.**<br>**Không sử dụng chức năng này trừ khi cần thiết.** |
| **Quên mật khẩu mức xếp loại.** | • Khi thông báo "NO DISC (KHÔNG CÓ ĐĨA)" hiển thị trên màn hình của sản phẩm, bấm và giữ nút **STOP** (■) của điều khiển từ xa trong hơn 5 giây. "INIT" (BAN ĐẦU) hiển thị trên màn hình và tất cả cài đặt sẽ trở về giá trị mặc định.<br>Rồi bấm nút **POWER.**<br>**Sử dụng chức năng RESET (CÀI ĐẶT LẠI) sẽ xoá tất cả các cài đặt đã lưu trữ.**<br>**Không sử dụng chức năng này trừ khi cần thiết.** |
| **Không thể nhận được tín hiệu phát thanh.** | • Anten đã được kết nối đúng chưa?<br>• Nếu tín hiệu đầu vào của anten yếu, hãy lắp đặt anten FM ngoài ở vùng thu tốt. |

## Danh sách mã quốc gia

Nhập số mã thích hợp cho OTHERS (KHÁC) của Menu Đĩa, Âm thanh và Phụ đề. (Xem trang 26).

| Mã | Ngôn ngữ | Mã | Ngôn ngữ | Mã | Ngôn ngữ | Mã | Ngôn ngữ | Mã | Ngôn ngữ | Mã | Ngôn ngữ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1027 | Afar | 1142 | Greek | 1239 | Interlingue | 1345 | Malagasy | 1482 | Kirundi | 1527 | Tajik |
| 1028 | Abkhazian | 1144 | English | 1245 | Inupiak | 1347 | Maori | 1483 | Romanian | 1528 | Thai |
| 1032 | Afrikaans | 1145 | Esperanto | 1248 | Indonesian | 1349 | Macedonian | 1489 | Russian | 1529 | Tigrinya |
| 1039 | Amharic | 1149 | Spanish | 1253 | Icelandic | 1350 | Malayalam | 1491 | Kinyarwanda | 1531 | Turkmen |
| 1044 | Arabic | 1150 | Estonian | 1254 | Italian | 1352 | Mongolian | 1495 | Sanskrit | 1532 | Tagalog |
| 1045 | Assamese | 1151 | Basque | 1257 | Hebrew | 1353 | Moldavian | 1498 | Sindhi | 1534 | Setswana |
| 1051 | Aymara | 1157 | Persian | 1261 | Japanese | 1356 | Marathi | 1501 | Sangro | 1535 | Tonga |
| 1052 | Azerbaijani | 1165 | Finnish | 1269 | Yiddish | 1357 | Malay | 1502 | Serbo-Croatian | 1538 | Turkish |
| 1053 | Bashkir | 1166 | Fiji | 1283 | Javanese | 1358 | Maltese | 1503 | Singhalese | 1539 | Tsonga |
| 1057 | Byelorussian | 1171 | Faeroese | 1287 | Georgian | 1363 | Burmese | 1505 | Slovak | 1540 | Tatar |
| 1059 | Bulgarian | 1174 | French | 1297 | Kazakh | 1365 | Nauru | 1506 | Slovenian | 1543 | Twi |
| 1060 | Bihari | 1181 | Frisian | 1298 | Greenlandic | 1369 | Nepali | 1507 | Samoan | 1557 | Ukrainian |
| 1069 | Bislama | 1183 | Irish | 1299 | Cambodian | 1376 | Dutch | 1508 | Shona | 1564 | Urdu |
| 1066 | Bengali; Bangla | 1186 | Scots Gaelic | 1300 | Canada | 1379 | Norwegian | 1509 | Somali | 1572 | Uzbek |
| 1067 | Tibetan | 1194 | Galician | 1301 | Korean | 1393 | Occitan | 1511 | Albanian | 1581 | Vietnamese |
| 1070 | Breton | 1196 | Guarani | 1305 | Kashmiri | 1403 | (Afan) Oromo | 1512 | Serbian | 1587 | Volapuk |
| 1079 | Catalan | 1203 | Gujarati | 1307 | Kurdish | 1408 | Oriya | 1513 | Siswati | 1613 | Wolof |
| 1093 | Corsican | 1209 | Hausa | 1311 | Kirghiz | 1417 | Punjabi | 1514 | Sesotho | 1632 | Xhosa |
| 1097 | Czech | 1217 | Hindi | 1313 | Latin | 1428 | Polish | 1515 | Sundanese | 1665 | Yoruba |
| 1103 | Welsh | 1226 | Croatian | 1326 | Lingala | 1435 | Pashto, Pushto | 1516 | Swedish | 1684 | Chinese |
| 1105 | Danish | 1229 | Hungarian | 1327 | Laothian | 1436 | Portuguese | 1517 | Swahili | 1697 | Zulu |
| 1109 | German | 1233 | Armenian | 1332 | Lithuanian | 1463 | Quechua | 1521 | Tamil | | |
| 1130 | Bhutani | 1235 | Interlingua | 1334 | Latvian, Lettish | 1481 | Rhaeto-Romance | 1525 | Tegulu | | |

# Thông tin Khác

## Thông số kỹ thuật

| | | |
|---|---|---|
| Thông tin chung | Trọng lượng | 2.6 Kg |
| | Kích thước | 430 (R) x 60 (C) x 290 (S) mm |
| | Phạm vi Nhiệt độ Hoạt động | +5°C~+35°C |
| | Phạm vi Độ ẩm Hoạt động | 10 % đến 75 % |
| Bộ dò FM | Tỷ số tín hiệu/tạp nhiễu | 70 dB |
| | Độ nhạy thích hợp | 10 dB |
| | Biến dạng toàn phần | 0.5 % |
| Đĩa | DVD (Đĩa Đa năng Kỹ thuật số) | Tốc độ Đọc: 3.49 ~ 4.06 m/giây. |
| | | Thời gian Phát Ước tính (Đĩa một mặt, Đĩa một lớp): 135 phút. |
| | CD: 12 cm (ĐĨA COMPACT) | Tốc độ Đọc: 4.8 ~ 5.6 m/giây. |
| | | Thời gian Phát Tối đa: 74 phút |
| | CD: 8cm (ĐĨA COMPACT) | Tốc độ Đọc: 4.8 ~ 5.6 m/giây. |
| | | Thời gian Phát Tối đa: 20 phút |
| Đầu ra Video | Composite Video | 480i(576i) |
| | | 1 kênh: 1.0 Vp-p (tải 75 Ω) |
| | Component Video | 480i(576i) |
| | | Y : 1.0 Vp-p (tải 75 Ω) |
| | | Pr : 0.70 Vp-p (tải 75 Ω) |
| | | Pb : 0.70 Vp-p (tải 75 Ω) |
| Video/Âm thanh | HDMI | 1080p, 1080i, 720p, 480p(576p) |
| Bộ khuếch đại | Đầu ra loa trước | 83W x 2(3Ω) |
| | Đầu ra loa giữa | 83W(3Ω) |
| | Đầu ra loa sau | 83W x 2(3Ω) |
| | Đầu ra loa siêu trầm | 85W(3Ω) |
| | Dải tần | 20Hz~20KHz |
| | Tỷ số S/N | 70dB |
| | Độ tách kênh | 60dB |
| | Độ nhạy đầu vào | (AUX)400mV |

*: Thông số kỹ thuật danh định

- Samsung Electronics Co., Ltd bảo lưu quyền thay đổi thông số kỹ thuật mà không cần thông báo.
- Trọng lượng và kích thước chỉ gần đúng.
- Thiết kế và thông số kỹ thuật sẽ thay đổi mà không cần thông báo trước.
- ối với nguồn điện và Công suất Tiêu thụ, hãy tham khảo nhãn đính kèm sản phẩm.

## HT-C450

| | | hệ thống loa 5.1ch | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Loa | Hệ thống loa | Trước | Sau | Giữa | Siêu trầm |
| | Trở kháng | 3 Ω | 3 Ω | 3 Ω | 3 Ω |
| | Dải tần | 140Hz~20KHz | 140Hz~20KHz | 140Hz~20KHz | 40Hz~160Hz |
| | Mức áp suất âm thanh đầu ra | 86dB/W/M | 86dB/W/M | 86dB/W/M | 88dB/W/M |
| | Đầu vào định mức | 83W | 83W | 83W | 85W |
| | Đầu vào tối đa | 166W | 166W | 166W | 170W |
| | Kích thước (R x C x S) | Trước : 90 x 141.5 x 68.5 mm<br>Sau : 90 x 104.5 x 68.5 mm<br>Giữa : 360 x 74.5 x 68.5 mm<br>Siêu trầm : 155 x 350 x 285 mm | | | |
| | Trọng lượng | Trước : 0.58 Kg, Giữa : 0.57 Kg<br>Sau : 0.4 Kg, Siêu trầm : 3.8 Kg | | | |

## HT-C453

| | | hệ thống loa 5.1ch | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Loa | Hệ thống loa | Trước | Sau | Giữa | Siêu trầm |
| | Trở kháng | 3 Ω | 3 Ω | 3 Ω | 3 Ω |
| | Dải tần | 140Hz~20KHz | 140Hz~20KHz | 140Hz~20KHz | 40Hz~160Hz |
| | Mức áp suất âm thanh đầu ra | 86dB/W/M | 86dB/W/M | 86dB/W/M | 88dB/W/M |
| | Đầu vào định mức | 83W | 83W | 83W | 85W |
| | Đầu vào tối đa | 166W | 166W | 166W | 170W |
| | Kích thước (R x C x S) | Trước : 90 x 1200 x 119 mm (giá đỡ : 250 x 250)<br>Sau : 84 x 104.5 x 68.5 mm<br>Giữa : 360 x 74.5 x 68.5 mm<br>Siêu trầm : 155 x 350 x 285 mm | | | |
| | Trọng lượng | Trước : 2.77 Kg, Giữa : 0.57 Kg<br>Sau : 0.4 Kg, Siêu trầm : 3.8 Kg | | | |

## HT-C455

| | | hệ thống loa 5.1ch | | |
|---|---|---|---|---|
| Loa | Hệ thống loa | Trước/Sau | Giữa | Siêu trầm |
| | Trở kháng | 3 Ω | 3 Ω | 3 Ω |
| | Dải tần | 140Hz~20KHz | 140Hz~20KHz | 40Hz~160Hz |
| | Mức áp suất âm thanh đầu ra | 86dB/W/M | 86dB/W/M | 88dB/W/M |
| | Đầu vào định mức | 83W | 83W | 85W |
| | Đầu vào tối đa | 166W | 166W | 170W |
| | Kích thước (R x C x S) | Trước/Sau : 90 x 1200 x 119 mm (giá đỡ : 250 x 250)<br>Giữa : 360 x 74.5 x 68.5 mm<br>Siêu trầm : 155 x 350 x 285 mm | | |
| | Trọng lượng | Trước/Sau : 2.77 Kg, Giữa : 0.57 Kg<br>Siêu trầm : 3.8 Kg | | |

## Liên hệ SAMSUNG WORLD WIDE

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc hay ý kiến nào liên quan đến sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng của SAMSUNG.

| Area | Contact Center ☎ | Web Site |
|---|---|---|
| ▪ North America | | |
| Canada | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Mexico | 01-800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| U.S.A | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| ▪ Latin America | | |
| Argentine | 0800-333-3733 | www.samsung.com |
| Brazil | 0800-124-421<br>4004-0000 | www.samsung.com |
| Chile | 800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Nicaragua | 00-1800-5077267 | www.samsung.com |
| Honduras | 800-7919267 | www.samsung.com |
| Costa Rica | 0-800-507-7267 | www.samsung.com |
| Ecuador | 1-800-10-7267 | www.samsung.com |
| El Salvador | 800-6225 | www.samsung.com |
| Guatemala | 1-800-299-0013 | www.samsung.com |
| Jamaica | 1-800-234-7267 | www.samsung.com |
| Panama | 800-7267 | www.samsung.com |
| Puerto Rico | 1-800-682-3180 | www.samsung.com |
| Rep. Dominica | 1-800-751-2676 | www.samsung.com |
| Trinidad & Tobago | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Venezuela | 0-800-100-5303 | www.samsung.com |
| Colombia | 01-8000112112 | www.samsung.com |
| ▪ Europe | | |
| Austria | 0810 - SAMSUNG<br>(7267864, € 0.07/min) | www.samsung.com |
| Belgium | 02-201-24-18 | www.samsung.com/be (Dutch)<br>www.samsung.com/be_fr (French) |
| Czech | 800 - SAMSUNG<br>(800-726786) | www.samsung.com |
| Denmark | 70 70 19 70 | www.samsung.com |
| Finland | 030 - 6227 515 | www.samsung.com |
| France | 01 48 63 00 00 | www.samsung.com |
| Germany | 01805 - SAMSUNG<br>(726-7864 € 0,14/Min) | www.samsung.com |
| Hungary | 06-80-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Italia | 800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Luxemburg | 261 03 710 | www.samsung.com |
| Netherlands | 0900-SAMSUNG<br>(0900-7267864) (€ 0,10/Min) | www.samsung.com |
| Norway | 815-56 480 | www.samsung.com |
| Poland | 0 801 1SAMSUNG (172678)<br>022-607-93-33 | www.samsung.com |
| Portugal | 80820-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Slovakia | 0800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Spain | 902 - 1 - SAMSUNG<br>(902 172 678) | www.samsung.com |
| Sweden | 0771 726 7864 (SAMSUNG) | www.samsung.com |
| U.K | 0845 SAMSUNG (7267864) | www.samsung.com |
| Eire | 0818 717100 | www.samsung.com |

| Area | Contact Center ☎ | Web Site |
|---|---|---|
| Switzerland | 0848 - SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min) | www.samsung.com/ch<br>www.samsung.com/ch_fr/ (French) |
| Lithuania | 8-800-77777 | www.samsung.com |
| Latvia | 8000-7267 | www.samsung.com |
| Estonia | 800-7267 | www.samsung.com |
| ▪ CIS | | |
| Russia | 8-800-555-55-55 | www.samsung.com |
| Georgia | 8-800-555-555 | |
| Armenia | 0-800-05-555 | |
| Azerbaijan | 088-55-55-555 | |
| Kazakhstan | 8-10-800-500-55-500 | |
| Uzbekistan | 8-10-800-500-55-500 | www.samsung.com |
| Kyrgyzstan | 00-800-500-55-500 | www.samsung.com |
| Tadjikistan | 8-10-800-500-55-500 | www.samsung.com |
| Ukraine | 0-800-502-000 | www.samsung.ua<br>www.samsung.com/ua_ru |
| Belarus | 810-800-500-55-500 | |
| Moldova | 00-800-500-55-500 | |
| ▪ Asia Pacific | | |
| Australia | 1300 362 603 | www.samsung.com |
| New Zealand | 0800 SAMSUNG (0800 726 786) | www.samsung.com |
| China | 400-810-5858<br>010-6475 1880 | www.samsung.com |
| Hong Kong | (852) 3698-4698 | www.samsung.com/hk<br>www.samsung.com/hk_en/ |
| India | 3030 8282<br>1800 110011<br>1800 3000 8282<br>1800 266 8282 | www.samsung.com |
| Indonesia | 0800-112-8888<br>021-5699-7777 | www.samsung.com |
| Japan | 0120-327-527 | www.samsung.com |
| Malaysia | 1800-88-9999 | www.samsung.com |
| Philippines | 1-800-10-SAMSUNG (726-7864)<br>1-800-3-SAMSUNG (726-7864)<br>1-800-8-SAMSUNG (726-7864)<br>02-5805777 | www.samsung.com |
| Singapore | 1800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Thailand | 1800-29-3232<br>02-689-3232 | www.samsung.com |
| Taiwan | 0800-329-999 | www.samsung.com |
| Vietnam | 1 800 588 889 | www.samsung.com |
| ▪ Middle East & Africa | | |
| Turkey | 444 77 11 | www.samsung.com |
| South Africa | 0860-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| U.A.E | 800-SAMSUNG (726-7864) | www.samsung.com |
| Bahrain | 8000-4726 | |
| Jordan | 800-22273 | |

ENERGY STAR

AH68-02259J